

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII (CII E&C)

Số 156 Hoa Lan, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3512 2712 Fax: 028 3512 0633

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2020



I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0304200346.
- Vốn điều lệ: 415.000.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 415.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: 156 Hoa Lan, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 028 3512 2712
- Số fax: 028 3512 0633
- Website: www.ciiec.com.vn
- Mã cổ phiếu: CEE
- Quá trình hình thành và phát triển:
 - **Năm 2000:** Công ty Đầu tư & Kinh doanh Công trình Giao thông 565 được thành lập theo Quyết định số 129/2000/QĐ-BGTVT ngày 18/01/2000 của Bộ Giao thông Vận tải.
 - **Năm 2005:** Công ty chuyển đổi thành Công ty Cổ phần 565 theo Quyết định số 3222 ngày 31/08/2005 của Bộ Giao thông Vận tải và trong đó Tổng công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5 (Cienco 5) nắm giữ 30% vốn điều lệ.
 - **Năm 2007:** Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM (CII) trở thành cổ đông lớn nhất nắm giữ 30% vốn điều lệ của Công ty, và Công ty Cổ phần 565 bắt đầu tham gia xây dựng các công trình giao thông, hạ tầng do CII làm chủ đầu tư.
 - **Năm 2009:** CII tăng tỷ lệ nắm giữ lên 49% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần 565.
- ✓ Công ty COTESCO được thành lập chuyên hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tư vấn xây dựng, trong đó Công ty Cổ phần 565 nắm giữ 51% vốn điều lệ.
- ✓ Công ty Cổ phần 565 được tổ chức BSI cấp chứng nhận hợp chuẩn ISO 9001:2008 đối với hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

- ✓ Năm 2009 đánh dấu sự kiện lần đầu tiên giá trị sản lượng xây lắp của Công ty Cổ phần 565 đạt giá trị gần 200 tỷ đồng.
- **Năm 2013:** Công ty Cổ phần 565 trở thành công ty con của CII và tăng vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng. Công ty chính thức đổi tên công ty thành Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (CII E&C) tập trung hoạt động kinh doanh chính vào xây dựng hạ tầng giao thông.
- **Năm 2014:** CII E&C tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 400 tỷ đồng. Vào tháng 10 năm 2014, Công ty thực hiện mua lại 99,8% cổ phần tại Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia từ Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII. Tuy nhiên, số cổ phần này sẽ được chuyển quyền sở hữu sau 3 năm kể từ khi thanh toán mua cổ phần.
- **Năm 2015:** CII E&C thực hiện đầu tư mua lại 100% Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (NQN) chuyên sản xuất vật liệu xây dựng
- **Năm 2016:**
 - ✓ Tháng 6 năm 2016, ban lãnh đạo Công ty quyết định thành lập Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng CII E&C chuyên về kinh doanh vật liệu xây dựng.
 - ✓ Vào tháng 8 năm 2016, CII E&C mua lại 100% Công ty TNHH Xây dựng – Công nghiệp và Thương mại Toàn Phát Thịnh, một công ty thành lập từ năm 2005 và đổi tên thành Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C.
 - ✓ Tháng 12 năm 2016, CII E&C tiếp tục tăng vốn điều lệ từ 400 tỷ đồng lên 415 tỷ đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cán bộ nhân viên Công ty.
- **Năm 2017:** CII E&C niêm yết 41.500.000 cổ phiếu theo quyết định số 154/QĐ-SGDHCM ngày 08/05/2017 của Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM và được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 77/2017/GCNCP-VSD ngày 12/04/2017.

▪ **Năm 2019:**

- ✓ Tháng 9 năm 2019, Công ty hoàn tất việc thoái toàn bộ phần vốn đầu tư tại Công ty TNHH MTV Xây dựng Dân dụng CII E&C.
- ✓ Tháng 10 năm 2019, Công ty hoàn tất việc thoái toàn bộ phần vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia.
- ✓ Công ty chuyển về địa chỉ 156 Hoa Lan, Phường 02, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

▪ **Năm 2020:**

- ✓ Tháng 9 năm 2020, Công ty hoàn tất việc thoái 90% phần vốn đầu tư tại Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG.
- ✓ Tại thời điểm 12/01/2021, Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh đã hoàn tất việc tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty lên 80%.

- Các sự kiện khác: Không.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

TT	Mã ngành, nghề kinh doanh	Tên ngành nghề kinh doanh
1	7110	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
2	3290	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng, gia công dầm cầu thép, cấu kiện thép, sản phẩm cơ khí khác (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất thiết bị đo lường, thiết bị điều khiển (không hoạt động tại trụ sở)
3	2395	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao Chi tiết: Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn (không hoạt động tại trụ sở)
4	3312	Sửa chữa máy móc, thiết bị Chi tiết: Sửa chữa phương tiện thiết bị thi công (không sản xuất, gia công cơ khí, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

5	4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Cung ứng các loại vật tư, vật liệu xây dựng
6	4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Cung ứng các loại vật tư, thiết bị giao thông vận tải
7	4100	Xây dựng nhà các loại Chi tiết: Xây dựng cơ sở kỹ thuật hạ tầng khu công nghiệp, cụm dân cư và đô thị
8	6820	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, quyền sử dụng đất
9	0321	Nuôi trồng thủy sản biển Chi tiết: Nuôi trồng thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)
10	0150	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp Chi tiết: Chăn nuôi, trồng trọt (không hoạt động tại trụ sở)
11	8532	Giáo dục nghề nghiệp Chi tiết: Dạy nghề
12	4290	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: Xây dựng công nghiệp, dân dụng, điện
13	4220	Xây dựng công trình công ích Chi tiết: Xây dựng thủy lợi, thủy điện
14	8299 (Chính)	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công nghệ công trình giao thông theo hình thức hợp đồng (B.O.T)
15	4210	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: Xây dựng giao thông
16	7710	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cho thuê ô tô, container, xe có động cơ khác

17	7730	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê xe máy. Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng. Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính), động cơ, dụng cụ máy, thiết bị khai khoáng và thăm dò dầu, thiết bị đo lường và điều khiển, máy móc công nghiệp-thương mại và khoa học khác, thiết bị vận tải đường bộ, palet
18	4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành cấp thoát nước, hệ thống xử lý nước, môi trường; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng điều khiển, đo lường; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)
19	3320	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp Chi tiết: Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; lắp đặt máy móc, thiết bị ngành môi trường, điều khiển, đo lường (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ điện tại trụ sở)
20	7490	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn về môi trường; tư vấn về công nghệ
21	3600	Khai thác, xử lý và cung cấp nước (không hoạt động tại trụ sở)
22	3700	Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở)
23	3811	Thu gom rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)
24	3812	Thu gom rác thải độc hại (không hoạt động tại trụ sở)
25	3821	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại (không hoạt động tại trụ sở)
26	3822	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

		(không hoạt động tại trụ sở)
27	3830	Tái chế phế liệu (không hoạt động tại trụ sở)
28	3900	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác (không hoạt động tại trụ sở)
29	4649	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện
30	4321	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt thiết bị điện, đo lường, điều khiển (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ điện tại trụ sở)
31	4322	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)
32	2790	Sản xuất thiết bị điện khác (không hoạt động tại trụ sở)
33	2750	Sản xuất đồ điện dân dụng (không hoạt động tại trụ sở)
34	0810	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (không hoạt động tại trụ sở)
35	4311	Phá dỡ
36	4312	Chuẩn bị mặt bằng
37	6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

- Địa bàn kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh của CII E&C bao gồm xây dựng, lắp đặt, sửa chữa các công trình hạ tầng giao thông (đường bộ, đường hầm, cầu), hạ tầng nước (nhà máy cấp nước, trạm xử lý nước thải, đường ống cấp nước), và hạ tầng công nghiệp (nhà xưởng, đường xá trong

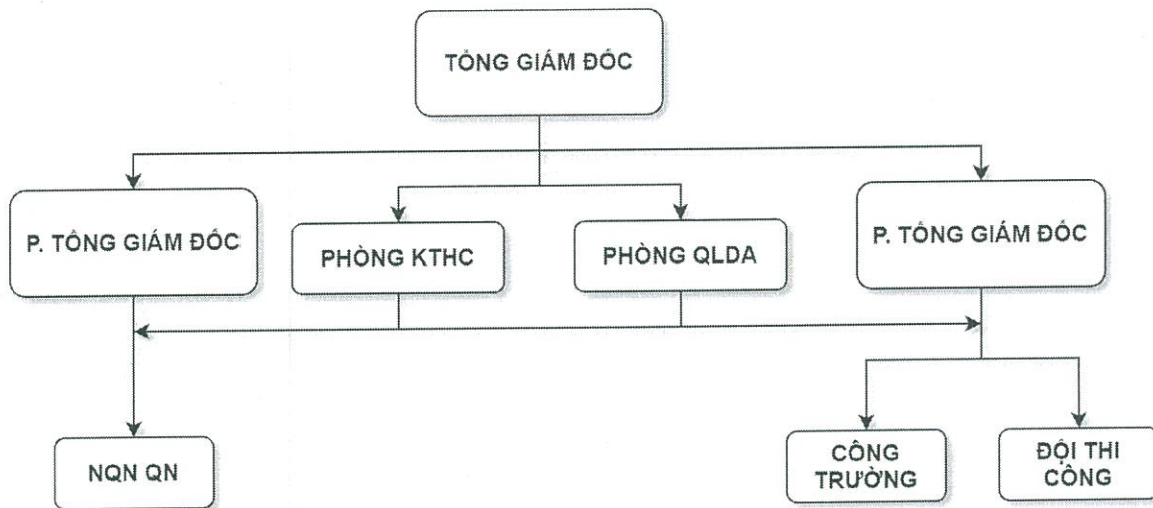
khu công nghiệp) tại thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh thuộc khu vực Nam Bộ và Nam Trung Bộ. Hiện tại, các dự án trọng điểm Công ty đang triển khai là:

- ✓ Dự án Đầu tư Xây dựng công trình đường cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận giai đoạn 1 theo hình thức hợp đồng BOT;
- ✓ Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội giai đoạn 2.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:
 - Đại hội đồng cổ đông;
 - Hội đồng quản trị;
 - Ban kiểm soát;
 - Tổng Giám đốc điều hành.
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII được tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty hiện tại như sau:

Sơ đồ cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty



- Công ty mẹ và công ty thành viên:



Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)

- ✓ Địa chỉ: 3A Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. HCM
- ✓ Mã số doanh nghiệp: 0302483177
- ✓ Điện thoại: 028 3622 1025 Fax: 028 3636 7100
- ✓ Vốn điều lệ: 2.831.681.520.000 đồng
- ✓ Tỷ lệ nắm giữ tại CII E&C: 80% tổng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết
- ✓ Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng Công trình kỹ thuật dân dụng.

Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi

- ✓ Địa chỉ: Lô C1-3, KCN Tịnh Phong, Xã Tịnh Phong, H. Sơn Tịnh, Quảng Ngãi
- ✓ Mã số doanh nghiệp: 4300319588
- ✓ Điện thoại: 0255 3677777 Fax: 0255 3677677
- ✓ Vốn điều lệ: 45.000.000.000 đồng (tại thời điểm 31/3/2020)
- ✓ Tỷ lệ nắm giữ của CII E&C: 100% vốn điều lệ
- ✓ Ngành nghề kinh doanh chính: khai thác sản xuất kinh doanh các loại đất đá

4. Định hướng phát triển

- Mục tiêu chủ yếu của Công ty: Phát triển công ty trở thành một trong những công ty hàng đầu ở Việt Nam chuyên về xây dựng những công trình hạ tầng.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn.
- ✓ Xây dựng và áp dụng phần mềm quản lý trong toàn bộ hoạt động của Công ty đặc biệt là quản lý Dự án.
- ✓ Tiếp tục chỉ đạo xây dựng hoàn thiện hệ thống quản lý tại các Công ty con để tạo thành một thể thống nhất với CII E&C.
- ✓ Nâng cao Năng lực sản xuất, năng lực cạnh tranh (Đầu tư máy móc, Công nghệ tiên

tiền, hiện đại).

- ✓ Tổ chức triển khai và thi công các Dự án lớn một cách khoa học.

5. Các rủi ro:

- **Rủi ro về kinh tế:** Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của một công ty là căn cứ cơ bản cho quyết định của nhà đầu tư. Xem xét sự biến động tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty là gián tiếp dự đoán giá trị của công ty. Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá... cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của Công ty nói riêng.
- **Rủi ro tăng trưởng kinh tế:** Năm 2020, nền kinh tế toàn cầu bị bao trùm bởi một màu ảm đạm và rơi vào suy thoái sâu từ tác động của đại dịch Covid-19. Theo báo cáo của Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) nhận định rằng nền kinh tế toàn thế giới đang trải qua giai đoạn tồi tệ nhất trong hơn 100 năm qua. Theo đó, tổ chức này ghi nhận mức tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2020 ở mức âm 4,2%. Về dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2021, OECD cho rằng mức tăng trưởng năm tới sẽ đạt 4,2% để bù đắp cho sự sụt giảm năm 2020 nhờ vào các chính sách tiền tệ, chiến dịch tiêm chủng và chính sách y tế có liên quan của Chính phủ các quốc gia. Đối lập với bức tranh ảm đạm của nền kinh tế thế giới, theo nhận định của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), Việt Nam là một nền kinh tế mới nổi duy nhất nằm trong nhóm ASEAN-5 có mức tăng trưởng GDP dương trong năm 2020.

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục đạt tăng trưởng dương khi GDP tăng 2,91%, trong đó quý I tăng 3,68%; quý II tăng 0,39%; quý III tăng 2,62% và quý IV là 4,48%. Những số liệu trên cho thấy đây là mức tăng thấp nhất từ năm 2011 đến năm 2020, tuy nhiên lại là con số ấn tượng so với phần còn lại của thế giới, điều này cho thấy tính đúng đắn trong chỉ đạo cùng với chính sách hỗ trợ doanh nghiệp và người dân của Chính phủ, các lĩnh vực kinh tế - xã hội đang bước vào trạng thái bình thường mới. Đối với ngành xây dựng hạ tầng, đại dịch Covid-19 lại là cơ hội tạo ra những bước đột phá khi các gói kích thích phát triển hạ

tăng được Nhà nước tung ra.

- **Rủi ro lãi suất:** Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, nhằm giảm bớt khó khăn do tác động của dịch Covid-19, tạo điều kiện cho nền kinh tế có điều kiện phục hồi nhanh, trong năm 2020 Ngân hàng Nhà nước liên tiếp điều chỉnh giảm 3 lần các mức lãi suất điều hành với tổng mức giảm 1,5%-2%/năm. Hiện lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam phổ biến ở mức 0,1%-0,2%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 3,3%-3,9%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 4,2%-6,0%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 5,8%-6,9%/năm. Mặt bằng lãi suất cho vay bằng đồng Việt Nam của các tổ chức tín dụng có xu hướng giảm so với cuối năm 2019.

Công ty chịu rủi ro phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết, rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty. Với sự biến động trong nền kinh tế như hiện nay, thì việc dự đoán trước chi phí lãi vay rất quan trọng. Đòi hỏi Công ty phải theo dõi sát sao thị trường để có các phương án giải quyết phù hợp. Cụ thể, Công ty đã quản lý bằng cách duy trì mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

- **Rủi ro về pháp luật:** Rủi ro về pháp luật là rủi ro phát sinh từ việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh của công ty bị chi phối chủ yếu bởi Luật Doanh nghiệp và Luật Xây dựng và Luật đấu thầu. Hiện nay, hệ thống pháp luật của Việt Nam đang trong giai đoạn hoàn thiện, các quy định còn mới đối với doanh nghiệp và có thể phát sinh bất cập. Các sửa đổi, bổ sung được thay đổi khá thường xuyên, ít nhiều có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Chính vì vậy, để hạn chế tối đa rủi ro về pháp luật, Công ty luôn chú trọng cập nhật hệ thống pháp luật; nghiên cứu, phân tích và dự báo về sự thay đổi của pháp luật; đồng thời phối hợp với phòng Nhân sự triển khai tập huấn, phổ biến kiến thức

pháp luật có cán bộ công nhân viên và cổ đông của Công ty. Ngoài ra, Công ty còn tham khảo và sử dụng dịch vụ tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty.

- **Rủi ro đặc thù:** Xây dựng là ngành sản xuất kinh doanh phức tạp, tiềm ẩn nhiều rủi ro có thể kể đến các yếu tố như rủi ro từ nguồn vốn thanh toán của chủ đầu tư, rủi ro về thanh toán, rủi ro phát sinh từ yếu tố cạnh tranh ngành, rủi ro nhân sự, rủi ro an toàn lao động và rủi ro về nguyên vật liệu.
- **Rủi ro khác:** Bên cạnh những rủi ro trên thì Công ty cũng luôn đối mặt với những rủi ro không thể báo trước được như thiên tai, bệnh dịch, hỏa hoạn, cháy nổ... gây ra những thiệt hại lớn về con người, tài sản và tình hình hoạt động chung của Công ty. Mặc dù những rủi ro này hiếm khi xảy ra, nhưng đòi hỏi Công ty luôn chủ động có phương án phòng ngừa, khắc phục rủi ro thông qua việc chủ động mua bảo hiểm cho công nhân viên, tài sản... Phối hợp với các bên có liên quan để nâng cao nhận thức và có các kỹ năng cần thiết để xử lý kịp thời và chu đáo các tình huống xảy ra bất ngờ đối với Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kinh tế Việt Nam năm 2020 tăng 2,91%, là mức tăng thấp nhất trong nhiều năm trở lại đây, nhưng trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực tới mọi lĩnh vực kinh tế – xã hội thì đây là thành công lớn của Việt Nam với mức tăng trưởng thuộc nhóm cao nhất thế giới.

Đối với Công ty, năm 2020 là năm tương đối thành công khi dự án cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận được thi công xuyên suốt không gián đoạn. Với vai trò nhà thầu chính, Công ty CII E&C hiện thi công 9 gói thầu của dự án, các hạng mục cơ bản đã hoàn thành và chính thức thông tuyến vào ngày 28/12/2020. Các gói thầu của Công ty đều đảm bảo tiến độ do Chủ đầu tư đề ra, dự kiến hoàn thành toàn bộ các hạng mục còn lại quý III năm 2021.

Dự án Xa lộ Hà Nội gặp khó khăn xoay quanh vấn đề giải phóng mặt bằng trải dài qua nhiều khu vực thuộc Thành phố Thủ Đức, Tỉnh Bình Dương khiến công trình da beo, đứt khúc dở dang ở nhiều đoạn, đặc biệt là khu vực đường song hành. Trong năm 2020, Công ty chỉ tổ chức thi công một số hạng mục nhỏ thuộc 7/9 gói thầu còn lại thuộc dự án này.

Ngoài ra còn có một số yếu tố sau ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty:

- Giá cả nguyên vật liệu phục vụ xây dựng như sắt, thép, đá cát... tăng mạnh trong thời gian vừa qua;
- Môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt bởi sự xuất hiện của các đối thủ cạnh tranh trong ngành. Trong ngành xây dựng nhiều doanh nghiệp đấu thầu bỏ giá thấp làm cho việc trúng thầu ngày càng khó khăn hơn;
- Tình hình kinh tế, xã hội vẫn còn nhiều rủi ro không thể kiểm soát được như: rủi ro về lãi suất, rủi ro về giá cả, giá vật tư, vật liệu đầu vào luôn biến động tăng, gây áp lực về tài chính cũng như việc kiểm soát giá thành sản phẩm;
- Các Ngân hàng ngày càng siết chặt công tác cho vay.

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020
Doanh thu thuần	684,543	1.362.725	827.527
Lợi nhuận trước thuế	(58,670)	130.586	15.895
Lợi nhuận sau thuế	(63,758)	104.469	28.092

Năm 2020 là một năm khó khăn khi Covid-19 xuất hiện, công tác thi công và nghiệm thu của Công ty đều bị ảnh hưởng. Điểm sáng của năm nay là dự án Trung Lương - Mỹ Thuận đã được khai thông, góp phần giúp hoạt động kinh doanh của Công ty đã có lợi nhuận trở lại, tuy nhiên dự án Xa lộ Hà Nội lại tiếp bị chậm tiến độ bởi những yếu tố khách quan, Công ty chỉ có thể thực hiện thi công cầm chừng dẫn đến sản lượng và lợi nhuận cả năm 2020 chưa được như kỳ vọng. Kết quả kinh doanh năm 2020 ghi nhận lợi nhuận hợp nhất là 28,1 tỷ đồng.

2. Tổ chức và nhân Sự

- Danh sách Ban điều hành:

Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ
Ông Phùng Văn Hiền	1975	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tiến Đức	1977	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đình Tuấn	1975	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Xuân Phước	1977	Kế toán trưởng

2.1 Ông Phùng Văn Hiền – Tổng giám đốc

- Họ và tên: Phùng Văn Hiền
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 07/02/1975
- Nơi sinh: Bình Định
- Số CMND: 024904914 ngày cấp 15/3/2008, nơi cấp: CA Tp.HCM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 28/7 Đường 32, KP7, Phường Linh Đông, Thủ Đức, Tp.HCM
- Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh, Kỹ sư Cầu Đường
- Tổng số CP nắm giữ: 117.180 cổ phần

2.2 Ông Phạm Tiến Đức – Phó tổng giám đốc

- Họ và tên: Phạm Tiến Đức
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 16/12/1977
- Nơi sinh : Cần Thơ
- Số CMND: 361735454 ngày cấp 20/05/2008, nơi cấp CA Cần Thơ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 28/11 Đường Mậu Thân, Phường An Hoà, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cầu Đường
- Tổng số CP nắm giữ: 0 cổ phần

2.3 Ông Trần Đình Tuân – Phó tổng giám đốc

- Họ và tên: Trần Đình Tuân
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 19/07/1975
- Nơi sinh : Hà Tĩnh
- Số CMND: 241588512 ngày cấp 22/6/2012, nơi cấp CA Đắk Lắk
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh

- Địa chỉ thường trú: Lô C1.3 KCN Tịnh Phong, Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cầu Đường
- Tổng số CP nắm giữ: 0 cổ phần

2.4 Ông Bùi Xuân Phước – Kế toán trưởng

- Họ và tên: Bùi Xuân Phước
- Giới tính: Nam
- Ngày sinh: 22/07/1977
- Nơi sinh: Hà Nội
- Số CMND: 240615396 ngày cấp 25/11/2009, nơi cấp: CA Đắk Lắk
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: 9.4 Cao Ốc Đất Phương Nam, 241A Chu Văn An, Phường 12, Quận Bình Thạnh, Tp.HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Tổng số CP nắm giữ: 0 cổ phần

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không có.

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tính tới ngày 31/12/2020, tổng số lao động trong Công ty hiện có là 87 người. Số lao động của Công ty được phân chia theo trình độ đào tạo như sau:

Tiêu chí phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng
Thạc sỹ	1	1,75%
Đại học	42	68,42%
Cao đẳng	6	10,53%
Trung cấp	3	7,02%
Công nhân Kỹ thuật	18	8,77%
Khác	17	3,51%

Với bề dày gần 20 năm trong ngành xây dựng, CII E&C sở hữu lực lượng lao động được đào tạo bài bản, có kinh nghiệm thực tiễn và có ý thức tổ chức, kỷ luật cao. Đội ngũ lãnh đạo, điều hành công ty là những người chuyên nghiệp, có năng lực lãnh đạo và chuyên môn quản lý dự án, có uy tín và trải nghiệm trong ngành xây dựng. Đội ngũ công nhân thi công các dự án cơ sở hạ tầng có năng lực nghiệp vụ tốt, đảm bảo chất lượng và tiến độ các công trình.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1 Tình hình thực hiện các dự án:

- **Dự án Quốc lộ 60:** Công tác thi công đã hoàn thành và nghiệm thu đưa vào sử dụng vào tháng 12/2019. Công việc hiện tại: hoàn công, chờ phê duyệt khối lượng phát sinh làm phụ lục hợp đồng và quyết toán công trình.
- **Dự án Trung Lương – Mỹ Thuận:** Đây là dự án lớn nhất Miền Nam, tuy nhiên đến nay, tình hình pháp lý dự án vẫn còn nhiều vướng mắc. Ở thời điểm hiện tại, chủ đầu tư dự án đã hoàn thành các thủ tục pháp lý, nhận được nguồn vốn hỗ trợ từ Ngân sách cũng như được giải ngân từ ngân hàng tài trợ dự án. Với vai trò nhà thầu chính, Công ty CII E&C đã ký hợp đồng 9/11 gói thầu với BOT và đang khẩn trương triển khai thi công nhằm đảm bảo cam kết thông tuyến cuối năm 2020. Hiện nay, Công ty đang theo sát việc tham gia 02 gói thầu còn lại: Chiếu sáng và Hệ thống ATGT (Chủ đầu tư chưa phát hành hồ sơ đối với 2 gói thầu này).
- **Dự án Xa lộ Hà Nội:** Công ty còn 09 gói thầu thuộc dự án này. Tuy nhiên, do tình hình khó khăn về nguồn vốn và bàn giao mặt bằng, thời gian qua Công ty chỉ tổ chức thi công một số hạng mục nhỏ thuộc 05/10 gói thầu (Gói thầu SHP-3A; SHT-2A; SHT-6A; SHT-10A, SH-9A). Hiện tại các gói thầu này đang tạm ngưng thi công, chủ yếu thực hiện các hạng mục đảm bảo ATGT. Cuối năm 2019 đã ký lại phụ lục hợp đồng của các gói SHT-6A, SH-9A, SHP-3C theo kết quả của kiểm toán. Tiến hành nghiệm thu đưa vào sử dụng Gói SHP-7A và nghiệm thu kết thúc bảo hành gói 5A, BS 2.

Năm 2021 sẽ triển khai các hạng mục còn lại ở các gói: Gói thầu SHP-3A; SHT-

2A; SHT-6A; SH-9A, XL12, SHT 10A.

- **Dự án Khu dân cư Hưng Phú:**

Gói cung cấp vật tư và thi công hạ tầng kỹ thuật: Công ty đang làm các thủ tục để tiến hành thanh lý hợp đồng vào cuối tháng 02/2020, đồng thời ký mới 1 hợp đồng khoảng 1.4 tỷ. Gói thi công cống D1000: thanh toán và đã thanh lý hợp đồng với Chủ đầu tư.

- **Dự án Cầu vượt đường dẫn ống khí Gas trên đường D2, D3 - KCN Phú Mỹ 3:**

Dự án đang thi công hạng mục hoàn thiện khe co giãn, lan can, bản mặt cầu. Chuẩn bị hoàn thành và nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

3.2 Các công ty con, công ty liên kết:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Công ty	Doanh thu 2020	Lợi nhuận sau thuế 2020
1	Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi (NQN)	84,109	1,769
2	Công ty TNHH MTV Vật liệu xây dựng SG (*)	3,188	-17,362

Tại ngày 30/09/2020, Công ty đã Công bố thông tin về việc thực hiện thoái 90% phần vốn góp tại Công ty TNHH MTV VLXD SG, từ sau thời điểm này, Công ty TNHH MTV VLXD SG không còn là Công ty con/Công ty liên kết của Công ty.

4. Tình hình tài chính

4.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Riêng		% tăng giảm	Hợp nhất		% tăng giảm
	2019	2020		2019	2020	
Tổng giá trị tài sản	1,807	1,605	-11.17%	1,879	1,623	-13.64%
Doanh thu thuần	382	767	100.45%	685	828	20.89%
Lợi nhuận từ HĐKD	8	6	-31.77%	-51	21	Chuyển lỗ thành lãi

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Lợi nhuận/ (lỗ) khác	-5	1	Chuyển lỗ thành lãi	-8	-6	Chuyển lỗ thành lãi
Lợi nhuận trước thuế	3	7	122.47%	-59	16	Chuyển lỗ thành lãi
Lợi nhuận sau thuế	3	17	545.66%	-64	28	Chuyển lỗ thành lãi
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/Payout ratio	1,807	1,605	-11.17%	1,879	1,623	-13.64%

4.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2019	31/12/2020
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	Lần	1.24	1.61
Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	0.81	0.98
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0.79	0.73
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	3.65	2.76
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho	Vòng	1.03	1.32

Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0.36	0.51
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-9.31%	3.39%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-15.78%	6.50%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-3.39%	1.73%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	-7.46%	2.59%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng / cp	-1.614	711

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

5.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 41.500.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.000.000 cổ phần
- Tổng số cổ phần đã phát hành: 41.500.000 cổ phần.
- Số lượng cổ phần đang niêm yết: 41.500.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 41.500.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần
- Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: Không có.

5.2 Cơ cấu cổ đông:

Danh sách cổ đông chốt ngày 29/03/2021 như sau:

STT	Danh mục	Số lượng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông trong nước	151	39.487.650	95.15%
	- Cá nhân	143	6.741.818	16.25%
	- Tổ chức	8	32.745.832	78.91%
2	Cổ đông nước ngoài	3	12.350	0.03%

BÁO CÁO THUỜNG NIÊN NĂM 2020

	- Cá nhân	2	10.200	0.02%
	- Tổ chức	1	2.150	0.01%
3	Cổ phiếu quỹ	1	2.000.000	4.82%
Tổng cộng		155	41.500.000	100,00%

Cổ đông lớn của Công ty là Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh, hiện sở hữu 31.599.882 cổ phần, tương đương 80% số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

5.3 Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Vốn điều lệ đăng ký lần đầu của Công ty tại ngày 19/01/2006 là 9.000.000.000 đồng (chín tỷ đồng). Đến nay, vốn điều lệ Công ty là 415.000.000.000 đồng (bốn trăm mười lăm tỷ đồng). Quá trình tăng vốn điều lệ của Công ty như sau:

- **Lần 1:** Năm 2007, tăng vốn từ 9.000.000.000 đồng (chín tỷ đồng) lên 14.868.400.000 đồng (mười bốn tỷ tám trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng)
 - Vốn điều lệ trước phát hành: 9.000.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ sau phát hành: 14.868.400.000 đồng
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
 - Tổng số lượng cổ phần phát hành: 586.840 cổ phần
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần
 - Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ
 - Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- **Lần 2:** Ngày 10/8/2009 tăng vốn từ 14.868.400.000 đồng (mười bốn tỷ tám trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng) lên 24.650.260.000 đồng (hai mươi bốn tỷ sáu trăm năm mươi triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng)
 - Vốn điều lệ trước phát hành: 15.000.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ sau phát hành: 24.650.260.000 đồng
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
 - Tổng số lượng cổ phần phát hành: 978.186 cổ phần
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần

- Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- **Lần 3:** Ngày 21/5/2010 tăng vốn từ 24.650.260.000 đồng (hai mươi bốn tỷ sáu trăm năm mươi triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) lên 40.000.000.000 đồng (bốn mươi tỷ đồng)
 - Vốn điều lệ trước phát hành: 24.650.260.000 đồng
 - Vốn điều lệ sau phát hành: 40.000.000.000 đồng
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
 - Tổng số lượng cổ phần phát hành: 1.534.974 cổ phần, trong đó:
 - Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5% vốn điều lệ, tương đương 109.251 cổ phần
 - Phát hành cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2,5:1, tương đương 1.425.719 cổ phần, giá phát hành là 10.000 đồng – 12.000 đồng/ cổ phần

Ghi chú: Số lượng cổ phiếu đã phân phối là 1.534.974 cổ phiếu, trong khi tổng số cổ phiếu hạch toán cổ tức và phát hành cho cổ đông hiện hữu là 1.534.970 cổ phiếu. Chênh lệch 4 cổ phiếu là do việc làm tròn khi tính toán cổ tức.

- **Lần 4:** Ngày 10/9/2013 tăng vốn từ 40.000.000.000 đồng (bốn mươi tỷ đồng) lên 150.000.000.000 đồng (một trăm năm mươi tỷ đồng)
 - Vốn điều lệ trước phát hành: 40.000.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ sau phát hành: 150.000.000.000 đồng
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
 - Tổng số lượng cổ phần phát hành: 11.000.000 cổ phần, trong đó:
 - Trả cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 4,25% vốn điều lệ, tương đương 170.000 cổ phần
 - Phát hành cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 1:2,7075, tương đương 10.830.000 cổ phần, giá phát hành là 10.000 đồng/ cổ phần
- **Lần 5:** Ngày 15/1/2014 tăng vốn từ 150.000.000.000 đồng (một trăm năm mươi tỷ đồng) lên 400.000.000.000 đồng (bốn trăm tỷ đồng)
 - Vốn điều lệ trước phát hành: 150.000.000.000 đồng

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

- Vốn điều lệ sau phát hành: 400.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 25.000.000 cổ phần
- Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần
- Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Tỷ lệ phát hành: 1:2,666
- **Lần 6:** Ngày 25/11/2016 tăng vốn từ 400.000.000.000 đồng (bốn trăm tỷ đồng) lên 415.000.000.000 đồng (bốn trăm mười lăm tỷ đồng)
 - Vốn điều lệ trước phát hành: 400.000.000.000 đồng
 - Vốn điều lệ sau phát hành: 415.000.000.000 đồng
 - Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phần
 - Tổng số lượng cổ phần phát hành: 1.500.000 cổ phần
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/ cổ phần
 - Đối tượng phát hành: Cán bộ Quản lý Công ty theo Chương trình lựa chọn người lao động ESOP 2016
 - Tỷ lệ phát hành: 3,75%

5.4 Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm 2020, Công ty không thực hiện giao dịch làm thay đổi số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty

5.5 Các chứng khoán khác: Trong năm 2020, Công ty không phát hành các loại chứng khoán nào khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ sử dụng năng lượng điện và nước sinh hoạt, không trực tiếp sản xuất hàng hóa nên lượng phát thải từ hoạt động kinh doanh của Công ty là không đáng kể.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không.

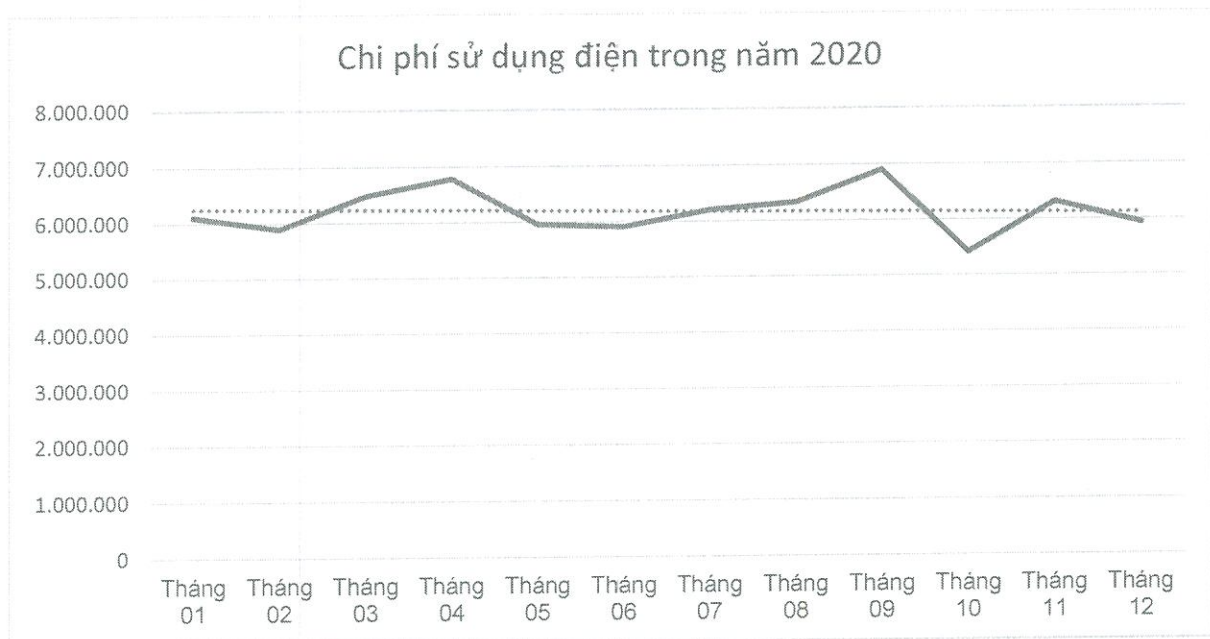
6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

6.2.1 Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Công ty không phát sinh hoạt động sản xuất và đóng gói sản phẩm dịch vụ.

6.2.2 Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Công ty không phát sinh hoạt động sản xuất sản phẩm và dịch vụ.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

6.3.1 Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

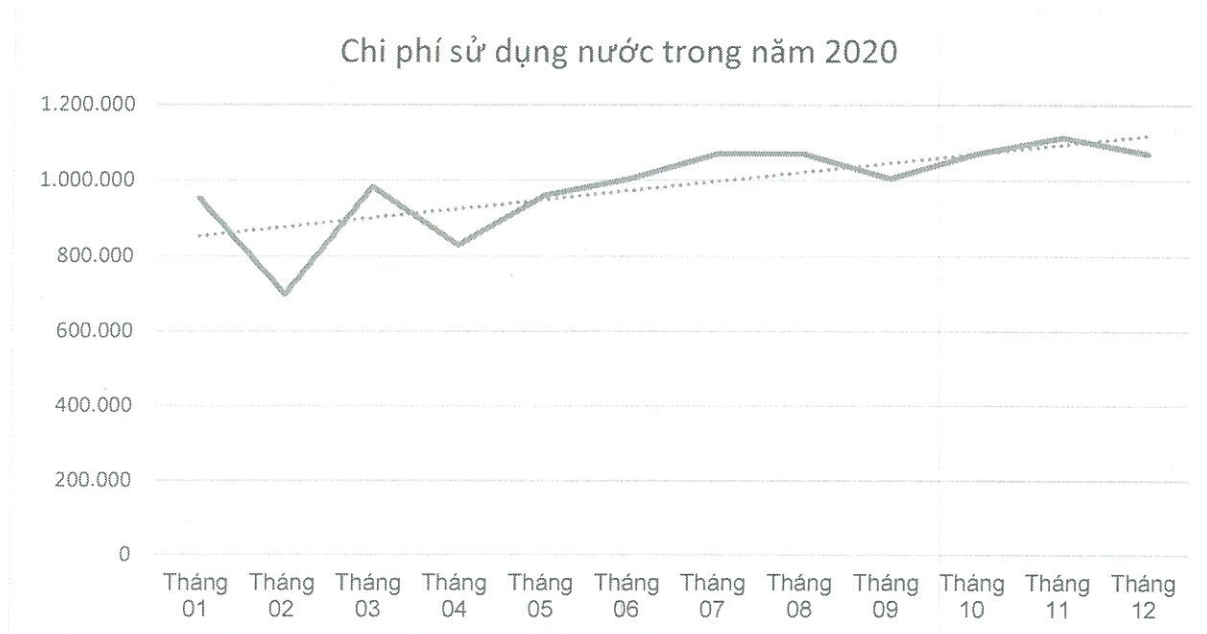


Bình quân trong năm 2020, một tháng công ty thanh toán khoảng 6 triệu đồng cho chi phí sử dụng điện tại văn phòng Công ty. Tổng chi phí điện khối văn phòng thanh toán cho Công ty điện lực là 74,229,191 đồng.

6.3.2 Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Công ty tiếp tục áp dụng những phương pháp tiết kiệm năng lượng đã được phổ biến từ những năm trước, tuy nhiên hiệu quả không được thể hiện rõ do năng lượng Công ty sử dụng là không đáng kể.

6.3.3 Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có.

6.4. Tiêu thụ nước:



Chi phí nước công ty phải thanh toán cho Công ty cổ phần cấp nước Gia Định trong năm 2020 là 11.834.190 đồng, bình quân, một tháng Công ty thanh toán khoảng 990.000 đồng. Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

6.5.1 Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Công ty không phát sinh vi phạm về các vấn đề môi trường trong năm 2020.

6.5.2 Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

6.6.1 Tình hình lao động: Tình hình lao động, việc làm cho người lao động tại Công ty năm 2020 có nhiều chuyển biến tích cực, Công ty mở rộng hoạt động thi công dẫn đến gia tăng tuyển dụng nhân sự cho các vị trí. Người lao động tại Công ty tăng 52% so với cùng kỳ.

Dù trải qua năm Covid -19 nhiều khó khăn, nhưng Công ty không phát sinh trường hợp phải giảm thu nhập nào, đảm bảo đời sống sức khỏe, tinh thần và vật chất cho người lao động tại Công ty.

6.6.2 Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Chính sách đào tạo và phát triển

Hoạt động trong ngành liên quan trực tiếp đến tính an toàn của người lao động nên CII E&C luôn nâng cao trình độ của người lao động nhằm xây dựng những công trình đạt chuẩn an toàn và chất lượng. Vì vậy, Công ty luôn có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực quản trị và lãnh đạo của đội ngũ cán bộ nhân viên. Việc lập kế hoạch đào tạo nhằm đáp ứng các nhu cầu sau:

- Nhu cầu đào tạo của tổ chức.
- Nhu cầu đào tạo đáp ứng công việc hiện tại.
- Nhu cầu đào tạo đáp ứng nhu cầu phát triển của cá nhân đó trong tương lai.
- Nhu cầu đào tạo theo các thỏa thuận với đối tác.
- Nhu cầu đào tạo đáp ứng theo các yêu cầu của pháp luật.

Chính sách lương, thưởng

- Công ty tự xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương theo Bộ luật lao động.
- Việc trả lương, trả thưởng cho người lao động trong Công ty được thực hiện theo Quy chế trả lương, Quy chế trả thưởng của công ty.
- Các hình thức trả lương bao gồm:
 - ✓ Trả lương theo vị trí công việc;
 - ✓ Trả lương theo cá nhân;
 - ✓ Trả lương theo thành tích.
- Kỳ hạn trả lương: người lao động được trả lương một tháng một lần.
- Lương tháng 13, tiền thưởng: tùy vào kết quả hoạt động kinh doanh của công ty, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty xem xét, quyết định.

Chính sách trợ cấp/ Phúc lợi

Thực hiện theo Quy định pháp luật hiện hành và Thỏa ước lao động tập thể của công ty.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Thực hiện công tác đền ơn đáp nghĩa, Công ty đã tài trợ tài chính cho Ban liên lạc BXD67-CIENCO5 để chăm sóc, hương khói cho 3 nghĩa trang liệt sĩ của Ban Xây dựng 67 tại Tỉnh Quảng Bình gồm:

- Nghĩa trang liệt sĩ Tân Ấp tại xã Hướng Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình
- Nghĩa trang liệt sĩ Thọ Lộc tại xã Vạn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình
- Nghĩa trang liệt sĩ Vạn Ninh tại xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020
Doanh thu thuần	684,543	1.362.725	827.527
Lợi nhuận trước thuế	(58,670)	130.586	15.895
Lợi nhuận sau thuế	(63,758)	104.469	28.092

Năm 2020 là một năm khó khăn khi Covid-19 xuất hiện, công tác thi công và nghiệm thu của Công ty đều bị ảnh hưởng. Điểm sáng của năm nay là dự án Trung Lương - Mỹ Thuận đã được khai thông, góp phần giúp hoạt động kinh doanh của Công ty đã có lợi nhuận trở lại, tuy nhiên dự án Xa lộ Hà Nội lại tiếp bị chậm tiến độ bởi những yếu tố khách quan, Công ty chỉ có thể thực hiện thi công cầm chừng dẫn đến sản lượng và lợi nhuận cả năm 2020 chưa được như kỳ vọng. Kết quả kinh doanh năm 2020 ghi nhận lợi nhuận hợp nhất là 28,1 tỷ đồng.

Năm 2020, Công ty chủ yếu triển khai thực hiện các công việc sau:

- Tái cơ cấu bộ máy nhân sự, hoàn thiện hệ thống quản lý của Công ty (đã cơ bản hoàn thành);
- Áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin vào công tác quản lý;
- Tiếp tục thi công và kiểm soát chất lượng, tiến độ tại các dự án đặc biệt là các dự án trọng điểm của Công ty đang thi công: Dự án Xa Lộ Hà Nội; Dự án Đầu tư XDHTKT Khu dân cư phía Bắc và Đường Bắc Nam (Từ chân cầu Thủ Thiêm đến đường Mai Chí Thọ); Dự án đường cao tốc Trung lương Mỹ Thuận; Dự án Sơn Tịnh;
- Nâng cao năng lực quản lý/ bổ sung/ bộ máy quản lý tại Công ty mẹ CII E&C và công ty con;

- Tiếp tục xúc tiến để tìm kiếm các dự án mới.
- **Mặt làm được**
 - ✓ Nội bộ đoàn kết, Công ty phát triển theo đúng định hướng của Công ty mẹ và Hội đồng quản trị đề ra;
 - ✓ Các dự án trọng điểm như dự án đường cao tốc Trung Lương – Mỹ Thuận được tổ chức thi công một cách khoa học và hoàn thành đúng tiến độ đề ra;
 - ✓ Năm 2020 Công ty đảm bảo đủ vốn đáp ứng kịp thời cho sản xuất, không có trường hợp nợ xấu;
 - ✓ Đã tổ chức tốt công tác lập dự toán, đối với một số dự án mới triển khai Công ty đã tổ chức theo sát hồ sơ dự toán từ lúc ban đầu. Khảo sát, rà soát giá cả các loại vật tư, vật liệu đưa vào hồ sơ phù hợp với thực tế thông qua công tác thẩm định giá;
- **Tồn tại, nguyên nhân**
 - ✓ Doanh thu, lợi nhuận không đạt so với kế hoạch do: Các công trình, dự án chưa được phê duyệt, chưa có mặt bằng để thi công gồm: dự án Mở rộng Xa Lộ Hà Nội, dự án mở rộng quốc lộ 13;
 - ✓ Dịch Covid 19 diễn ra khiến cho việc thi công, nghiệm thu gặp nhiều khó khăn, các nguyên liệu đầu vào như cát, sắt thép cũng tăng giá cũng góp phần làm giảm biên lợi nhuận của Công ty

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

Danh sách đất đai tại 31/12/2020:

Tài sản	Địa điểm	Diện tích	Hình thức sở hữu	Tình trạng pháp lý
Đất đai	29/3, đường D2, phường 2, quận Bình Thạnh, Tp.	293 m ²	Sở hữu riêng	Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất

	HCM			số: CT23829
--	-----	--	--	-------------

Dưới đây là số dư tài sản cố định tại 31/12/2020:

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Riêng			Hợp nhất		
	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)
Tài sản cố định hữu hình	36.928	12.610	34,15%	75.610	16.484	21,80%
Nhà cửa, vật kiến trúc	0	0	0,00%	7.398	619	8,36%
Máy móc, thiết bị	25.115	7.528	29,97%	50.465	8.861	17,56%
Phương tiện vận tải	11.017	4.964	45,06%	16.815	6.886	40,95%
Thiết bị dụng cụ quản lý	796	118	14,88%	932	118	12,71%
Tài sản cố định thuê tài chính	0	0	0	2.041	1.504	87,99%
Tài sản cố định vô hình	280	62	21,99%	280	62	21,99%
Phần mềm máy vi tính	280	62	21,99%	280	62	21,99%
Quyền sử dụng đất	0	0	0	0	0	0,00%
Tổng cộng	37.208	12.672	34,06%	77.931	18.050	23,16%

Dưới đây là số dư bất động sản đầu tư tại 31/12/2020:

DVT: đồng

Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá (%)
Quyền sử dụng đất	5.836.987.368	4.997.156.733	85,61%

- Bất động sản đầu tư là giá trị đất tại địa chỉ số 29/3, đường D2, phường 2, quận Bình Thạnh, Tp. HCM (nay đổi tên đường là đường Nguyễn Gia Trí). Lô đất có thời hạn sử dụng là 50 năm, sẽ hết hạn sử dụng vào ngày 19/1/2056 theo Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 18/3/2010 của Ủy ban nhân dân Tp. HCM.
- Giá trị quyền sử dụng đất đã được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long.

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản:

Trong năm 2020, Công ty tập trung vào việc lành mạnh hóa cơ cấu nguồn vốn, điều chỉnh theo hướng giảm nợ vay tăng tài sản. Để xử lý các khoản vay, tài sản ngắn hạn của Công ty ghi nhận trên báo cáo tài chính riêng giảm khoảng 170 tỷ và giảm khoảng 254 tỷ tại báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Nợ phải thu quá hạn của Công ty tăng không đáng kể, vào khoảng 800 triệu so với năm 2020, tuy nhiên Công ty đã tăng số tiền trích lập dự phòng cho các khoản phải thu này thêm 4,5 tỷ đồng. Nhìn chung các khoản nợ quá hạn này không ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động của Công ty.

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:

DVT: Triệu đồng

STT	Tiêu chí	2019	2020	% Tăng/ Giảm
1	Nợ ngắn hạn	1,454,662	957,046	-34,21%

2	Nợ dài hạn	20,550	233,797	1.037,72%
3	Tổng nợ	1,475,211	1,190,843	-19,28%

Trong năm 2020, Công ty tập trung xử lý tài chính, thực hiện đánh giá kiểm tra kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu từ Chủ đầu tư, phải trả nhà thầu phụ, tiết giảm tối đa các chi phí tài chính với mục tiêu tối ưu hóa lợi nhuận những năm tiếp theo cho cổ đông Công ty. Các khoản nợ phải trả của Công ty giảm 285 tỷ tương đương 19,3%; tỷ lệ giảm của tổng tài sản ít hơn so với tổng nợ, giảm 257 tỷ - tương đương giảm 13,6% so với cùng kỳ 2019.

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tiêu chí	2019	2020
1	Vay ngắn hạn	762,989	332,458
2	Vay dài hạn	18,538	233,790
3	Chi phí lãi vay	81,745	72,018
4	Chi phí lãi vay/doanh thu thuần	11.94%	8.70%

Tỷ lệ chi phí lãi vay/doanh thu thuần của Công ty hiện ở mức gần 8.70%, thấp hơn năm 2019, chủ yếu do việc huy động nguồn vốn thi công cho dự án Trung Lương Mỹ Thuận đã bắt đầu được chủ đầu tư nghiệm thu giá trị dẫn đến doanh thu năm 2020 tăng gần 21% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, công tác rà soát, tiết giảm chi phí tài chính đã thể hiện hiệu quả khi chi phí lãi vay trong năm đã giảm đến 12% so với năm 2019.

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Trong năm Công ty không phát sinh các khoản nợ phải trả quá hạn hay các khoản nợ bằng tiền nước ngoài.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Đầu năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã có quyết định về việc khoán chi phí của từng dự án cho các Phó Tổng Giám đốc phụ trách. Phó tổng giám đốc phụ trách có trách nhiệm điều hành trực tiếp công tác thi công, tiết giảm chi phí. Chi phí dự án được khoán theo định

mức do Hội đồng quản trị phê duyệt, Phó tổng giám đốc chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với phân chi phí phát sinh.

Việc Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trao quyền cho Phó Tổng Giám đốc phụ trách đã góp phần đẩy nhanh tiến độ thi công dự án, tiết giảm chi phí tối đa lợi nhuận cho Công ty và cổ đông.

7 Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong ngắn hạn, Ban điều hành Công ty sẽ tiếp tục triển khai các công tác sau:

- Tìm kiếm khách hàng mới, Tập trung mở rộng thị trường, tìm kiếm các dự án lớn tại Khu vực phía Nam;
- Mở rộng mảng thi công các dự án hạ tầng cho các Khu Dân cư;
- Đầu tư thiết bị hiện đại, nâng cao năng lực thi công của Công ty;
- Ứng dụng công nghệ vào công tác quản lý, tổ chức triển khai thi công một cách khoa học, rút ngắn tối đa tiến độ thi công tại các dự án đang triển khai

8 Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:

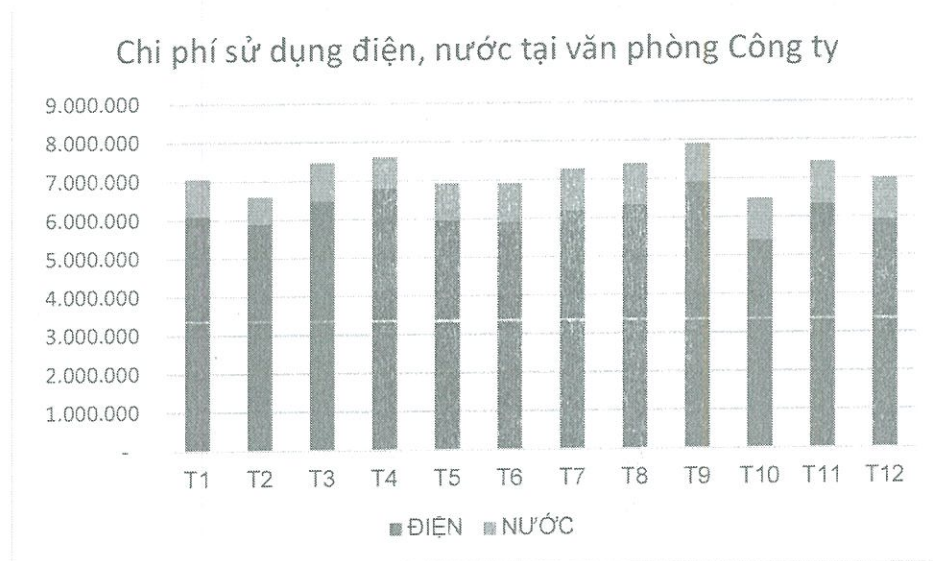
Tại báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020, đơn vị kiểm toán có ý kiến nhấn mạnh như sau: “Công ty còn phải thu từ Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG số tiền là 31.688.810.227 đồng. Đây là khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 1a/HĐCV ngày 02/01/2018 với lãi suất 5%/năm và không có tài sản đảm bảo. Tuy nhiên Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG với chức năng kinh doanh là mua bán vật liệu xây dựng và là nhà cung cấp vật tư cho nhiều khách hàng cũng là nhà thầu phụ kiện đang thi công các công trình của Công ty. Sau khi Công ty thực hiện thoái vốn trong Công ty con này, Công ty cam kết sẽ hỗ trợ Công ty VLXD SG thu hồi các khoản nợ từ khách hàng để hoàn trả cho Công ty, Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo sẽ không để xảy ra tổn thất từ khoản phải thu này”.

Công ty xin giải trình như sau: Khoản phải thu trên phát sinh trong giai đoạn Công ty TNHH MTV VLXD SG là Công ty con của Công ty. Sau khi thực hiện thoái vốn đầu tư, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã tích cực thực hiện các công tác đối chiếu, thu hồi công nợ. Trong năm 2020, đã hoàn tất thu hồi được 11,8 tỷ đồng, hiện số dư còn ghi nhận là 31,69

tỷ đồng như đơn vị kiểm toán đã đề cập. Nội dung trên đã được Công ty giải trình tại thời điểm công bố báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020.

9 Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường



Với vai trò là nhà thầu chính, quản lý các nhà thầu phụ và nghiệm thu thanh toán với Chủ đầu tư, Tổng chi phí điện nước của Công ty hàng tháng chỉ vào khoảng 7tr đồng. Nhìn chung hoạt động kinh doanh của Công ty không có tác động đáng kể đến môi trường.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công ty đáp ứng các quy định của pháp luật về quan hệ giữa người sử dụng lao động và người lao động. Người lao động được tuyển vào làm việc tại Công ty phải thực hiện ký kết hợp đồng lao động theo mẫu quy định của Nhà nước.

Về mặt đào tạo: Hàng năm căn cứ yêu cầu của Công ty và khả năng trình độ, nhu cầu của từng lao động để Công ty lập kế hoạch đào tạo nâng cao tay nghề và trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động. Kinh phí đào tạo lấy từ nguồn kinh phí của Công ty. Khi người lao động có nhu cầu học tập để nâng cao trình độ văn hóa (học Đại học, trên đại học ..) người sử dụng lao động sẽ tạo mọi điều kiện về thời gian để người lao động được đi học.

Về thời gian làm việc: Tất cả người lao động đều làm việc theo thời gian chính thức là 8 giờ trong ngày. Mỗi tuần làm việc không quá 48 giờ. Riêng bộ phận văn phòng Công ty

làm việc 40 giờ (được nghỉ ngày thứ 7). Do yêu cầu công việc, người lao động có thể phải làm thêm giờ, thời gian làm thêm không quá 4h/ngày và 200h/ năm. Thời gian làm đêm tính từ 21 giờ đến 05 giờ sáng.

Về chế độ làm đêm và làm thêm giờ: Khi Công ty có nhu cầu làm thêm giờ, làm đêm thì người lao động được trả lương theo điều 97 Chương VI của Bộ Luật lao động đã được sửa đổi và bổ sung cụ thể:

- Vào ngày thường, ít nhất bằng 150%;
- Vào ngày nghỉ hằng tuần, ít nhất bằng 200%;
- Vào ngày nghỉ lễ, ngày nghỉ có hưởng lương, ít nhất bằng 300% chưa kể tiền lương ngày lễ, ngày nghỉ có hưởng lương đối với người lao động hưởng lương ngày.
- Người lao động làm việc vào ban đêm, thì được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc của ngày làm việc bình thường.
- Người lao động làm thêm giờ vào ban đêm thì ngoài việc trả lương thêm giờ theo quy định, người lao động còn được trả thêm 20% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc làm vào ban ngày.

Về an toàn và vệ sinh lao động: Người sử dụng lao động có trách nhiệm: Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động như đồng phục, áo mưa, nón...theo yêu cầu công việc cho người lao động.

- Cử người giám sát định kỳ việc tuân thủ các quy định, nội quy, biện pháp an toàn lao động, vệ sinh lao động trong toàn đơn vị.
- Thường xuyên xem xét và trang bị đầy đủ các phương tiện che chắn, bảo hộ và bảng báo hiệu giúp NLĐ tăng cường ngăn ngừa và cảnh giác trước các nguy hiểm, sự cố trong khi làm nhiệm vụ.
- Tổ chức huấn luyện, hướng dẫn các tiêu chuẩn, quy định, biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đối với NLĐ.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho NLĐ trong công ty theo tiêu chuẩn chế độ quy định.

- Chấp hành nghiêm chỉnh quy định khai báo, điều tra tai nạn lao động theo tiêu chuẩn chế độ quy định.
- Việc bồi thường tai nạn lao động thực hiện theo Khoản 3, Điều 144 Bộ Luật Lao động (tính trên lương cơ bản).

Chế độ bảo hiểm cho người lao động: Bên cạnh các bảo hiểm theo quy định của pháp luật, Công ty còn tham gia mua các loại bảo hiểm sức khỏe riêng cho một số đối tượng lao động đặc thù với tổng giá trị lên đến 76 triệu đồng.

Chế độ kiểm tra sức khỏe: Hàng năm Công ty đều ký kết hợp đồng khám sức khỏe cho người lao động với các cơ sở y tế lớn, đảm bảo sức khỏe của người lao động được chú ý theo dõi, có phương án chủ động phòng tránh các bệnh nguy hiểm, ảnh hưởng đến sức lao động. Trong năm 2020, Công ty đã tổ chức khám bệnh cho tổng cộng 75 người lao động của Công ty, tại Bệnh viện Đa khoa Hoàn Mỹ Sài Gòn.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2020, do gặp các vấn đề về dân cách xã hội, Công ty với vai trò là người sử dụng lao động, đã thường xuyên khử khuẩn tại khu vực làm việc, nhắc nhở người lao động và khách đến Công ty phải thực hiện sát trùng rửa tay và đeo khẩu trang, ra sức tuyên truyền về sự nguy hiểm và các phương pháp phòng tránh lây nhiễm Covid-19, bảo vệ sức khỏe của cá nhân người lao động, cộng đồng tại Công ty, góp phần bảo vệ sức khỏe chung của địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Bên cạnh đó Công ty tiếp tục các gói hỗ trợ tài chính để duy trì hoạt động tại 3 nghĩa trang liệt sĩ của Ban xây dựng 67 tại tỉnh Quảng Bình, cụ thể gồm Nghĩa trang Liệt sĩ Tân Ấp, xã Hướng Hóa, huyện Tuyên Quang, tỉnh Quảng Bình; Nghĩa trang Liệt sĩ Thọ Lộc tại xã Vạn Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; Nghĩa trang liệt sĩ Vạn Ninh tại xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Trong năm 2020, HĐQT đã tổ chức lại Ban điều hành Công ty, giám sát Ban điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo kế hoạch kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Công ty đã làm được những mặt sau trong năm 2020:

- Tái cơ cấu bộ máy nhân sự, hoàn thiện hệ thống quản lý của Công ty (cơ bản đã hoàn thành);
- Áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin vào công tác quản lý;
- Tiếp tục thi công và kiểm soát chất lượng, tiến độ tại các dự án đặc biệt là các dự án trọng điểm của Công ty đang thi công: Dự án đường cao tốc Trung lương Mỹ Thuận; Dự án Xa Lộ Hà Nội; Dự án Đầu tư XDHTKT Khu dân cư phía Bắc và Đường Bắc Nam (Từ chân cầu Thủ Thiêm đến đường Mai Chí Thọ); Dự án nâng cấp mở rộng QL 60; Khu dân cư Hưng Phú; Khu công nghiệp Phú Mỹ; Dự án công trình nhà ở LakeView (Lô 3.1; Lô 3.2, Lô 4.7) Khu đô thị mới Thủ Thiêm;
- Nâng cao năng lực quản lý, bổ sung nhân sự cho bộ máy quản lý tại Công ty mẹ CII E&C và công ty con:
- Tìm kiếm, tuyển dụng nhân sự cấp cao để bổ sung vào chức danh quản lý các Công ty trực thuộc.
- Tiếp tục xúc tiến để tìm kiếm các dự án mới.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

- Tổng giám đốc và các thành viên Ban Tổng giám đốc đã làm tốt công tác báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động kinh doanh cho Hội đồng quản trị nên các hoạt động của Công ty đều được Hội đồng quản trị nắm bắt kịp thời, có hướng xử lý phù hợp khi có khó khăn cần hỗ trợ.
- Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 không đạt được mục tiêu kế hoạch, tuy nhiên vấn đề này đã được Ban Tổng giám đốc giải trình với Hội đồng quản trị do có sự điều chỉnh về chính sách, công tác giải phóng mặt bằng của chủ đầu tư khiến nhiều dự án lớn chưa thể triển khai thực hiện được. Các biến động về giá vật tư, nhân công tăng so với dự toán công trình cũng là yếu tố khiến cho Công ty không đạt mục tiêu đề ra.

- Năm 2020, Ban Tổng giám đốc Công ty đã có các bước chấn chỉnh, chuẩn bị về nguồn nhân lực, vật lực làm tiền đề thực hiện các dự án trong năm 2021;

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong năm 2021, vẫn còn những thách thức khó khăn nhưng HĐQT sẽ tập trung đẩy mạnh chỉ đạo hoạt động của Công ty như sau:

- Xây dựng định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty, cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021.
- Chỉ đạo tăng tốc độ thi công, nghiệm thu công trình. Lập phương án tài chính cụ thể, không để phát sinh tình trạng thiếu vốn thi công tại các dự án Công ty đang triển khai.
- Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục hoàn thiện cơ cấu tổ chức, rà soát các quy chế, quy định hiện thời của Công ty, đảm bảo bộ máy đáp ứng được nhu cầu công việc trong giai đoạn mới.
- Tăng cường công tác quản lý tạm ứng, công nợ, tích cực giảm chi phí và chống lãng phí trong hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã phân tích, đánh giá và đề ra các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh riêng Công ty mẹ cho năm tài chính 2021 như sau:

ĐVT: triệu đồng

TT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2020	So với TH năm 2020
1	Doanh thu thuần	1.193.007	827.527	+ 365.480
2	Lợi nhuận gộp	84.877	26.294	+ 58.583
3	Lợi nhuận trước thuế	85.563	15.895	+ 69.668
4	Lợi nhuận sau thuế	68.451	28.092	+ 40.359

Căn cứ kế hoạch xuất kinh doanh năm 2021, với các chỉ tiêu vượt so với năm 2020, Hội đồng quản trị nhận thấy cần phải duy trì các công việc đã thực hiện và tập trung nhiều hơn vào một số nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2021, bao gồm:

- Hội đồng quản trị cùng với Ban điều hành thường xuyên tổ chức các buổi phân tích, đánh giá, tổng kết các hoạt động theo từng tháng để đạt mục tiêu kế hoạch đã đề ra;
- Tiếp tục duy trì và nâng tầm quan hệ đối tác chiến lược với Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP Hồ Chí Minh (CII) và các Ban quản lý dự án thuộc khu vực phía Nam để tham gia vào các dự án hạ tầng lớn do các đơn vị này làm chủ đầu tư;
- Chuẩn bị các kế hoạch giám sát và nội dung giám sát Ban điều hành theo định kỳ hàng quý; tiếp tục duy trì việc phối hợp với Ban kiểm soát để thị sát thực tế công tác điều hành của Ban điều hành.

V. Quản trị công ty**1. Hội đồng quản trị****a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị**

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
01	Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch HĐQT	0 CP
02	Ông Phạm Vũ Thúc	Phó Chủ tịch TT HĐQT	365.080 CP
03	Ông Lê Quốc Bình	Thành viên HĐQT	500.000 CP
04	Ông Phùng Văn Hiền	Thành viên HĐQT	117.180 CP
05	Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên HĐQT độc lập	0 CP

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty chưa thành lập tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành họp 18 cuộc họp và đã đưa ra các quyết định sau:

STT	Số Biên bản, Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/2020/BB-HĐQT 01/2020/QĐ-HĐQT	07/01/2020	HĐQT họp và ra Quyết định về việc Giao nhiệm vụ cho ông Phạm Tiến Đức – PTGD tại dự án cao tốc Trung Lương Mỹ Thuận.	100%
2	02/2020/BB-HĐQT	06/02/2020	HĐQT họp và thông qua việc hợp tác tín dụng với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 11	100%

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

3	03/2020/BB-HĐQT	10/02/2020	HĐQT họp và thông qua phương án, kế hoạch kinh doanh năm 2020	100%
4	04/2020/BB-HĐQT	17/02/2020	HĐQT họp và thông qua việc ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với CTCP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	100%
5	06/2020/BB-HĐQT	24/02/2020	HĐQT họp và thông qua việc hợp tác tín dụng với Ngân hàng TMCP Phát triển Tp.Hồ Chí Minh (HD Bank)	100%
6	07/2020/BB-HĐQT	27/02/2020	HĐQT họp và thông qua việc ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	100%
7	08/2020/BB-HĐQT 02/2020/QĐ-HĐQT	06/03/2020	HĐQT họp và phát hành nghị quyết về việc triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 với ngày đăng ký cuối cùng là ngày 30/03/2020.	100%
8	09/2020/BB-HĐQT 03/2020/QĐ-HĐQT	06/03/2020	HĐQT họp và phát hành nghị quyết về việc Giảm vốn đầu tư tại Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	100%
9	10/2020/BB-HĐQT	27/04/2020	HĐQT tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản và thống nhất được tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.	100%
10	11/2020/BB-HĐQT 04/2020/QĐ-HĐQT	08/06/2020	HĐQT họp và ra Quyết định về việc vay vốn, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng BIDV – Vĩnh Long	80% (Một phiếu không ý kiến)

11	12/2020/BB-HĐQT	16/06/2020	HĐQT họp và thông qua việc ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh.	100%
12	13/2020/BB-HĐQT	18/06/2020	HĐQT họp và thông qua việc ký kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính soát xét 6 tháng, báo cáo tài chính năm 2020 với Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Chi nhánh Sài Gòn.	100%
13	14/2020/BB-HĐQT	22/06/2020	HĐQT họp và thông qua việc ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm.	100%
14	15/2020/BB-HĐQT	26/06/2020	HĐQT họp bàn về phương án đầu tư, kinh doanh đối với quyền sử dụng đất của Công ty tại địa chỉ 29/3 đường D2, Phường 25, Quận Bình Thạnh.	100%
15	16/2020/BB-HĐQT	16/9/2020	HĐQT họp và thông qua việc giao dịch tín dụng với ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 11	100%
16	17/2020/BB-HĐQT	29/09/2020	HĐQT họp và thông qua việc chuyển nhượng phần vốn đầu tư tại Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG	100%
17	18/2020/BB-HĐQT	14/10/2020	HĐQT họp và thông qua việc ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Trong năm 2020, thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện đúng nhiệm vụ được giao, thường xuyên báo cáo về việc giám sát tình hình hoạt động của Công ty lên Hội đồng quản trị, đưa ra những ý kiến đóng góp về phương pháp điều hành và quản lý tài chính góp phần hoàn thiện bộ máy quản trị của Công ty.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát gồm có ba thành viên, danh sách như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
Ông Lưu Hải Ca	Trưởng Ban Kiểm soát	0 CP
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên Ban Kiểm soát	0 CP
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên Ban Kiểm soát	0 CP

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Năm 2020, Ban Kiểm soát đã tiến hành hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát, cụ thể:

- Tham gia đầy đủ các buổi họp của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty và tổ chức hai cuộc họp riêng của Ban Kiểm soát. Ban Kiểm soát đã có những góp ý kiến thiết thực, tham gia ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD của Công ty tại các cuộc họp của HĐQT.
- Ban Kiểm soát đã tập trung kiểm tra, giám sát hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty, lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác cụ thể của năm để xác định nội dung kiểm soát phù hợp.

- Kiểm tra, rà soát các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT để triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ trong năm 2020, đánh giá chi tiết những chỉ tiêu đạt được và chưa đạt, có phân tích nguyên nhân cụ thể.
- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên công tác quản trị, điều hành việc thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban Giám đốc theo đúng Nghị quyết của HĐQT đã ban hành và Điều lệ của Công ty.
- Ban kiểm soát Công ty đã tổ chức kiểm tra sổ sách kế toán của Công ty; Tình hình quản lý công nợ và khả năng thanh toán; về doanh thu và chi phí để phân tích những yếu tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và đầu tư, từ đó đề xuất kiến nghị kịp thời với Công ty.
- Kiểm soát Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của năm 2020, có ý kiến đóng góp đảm bảo báo cáo được lập theo quy trình, chuẩn mực, phản ánh trung thực tình hình tài chính của công ty. Qua một năm hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được quy định trong Điều lệ, Ban Kiểm soát nhận thấy đã hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao, góp phần cùng HĐQT và bộ máy điều hành Công ty thực hiện tốt những chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết thông qua.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Do kết quả kinh doanh không đạt kỳ vọng, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát không nhận thù lao cho năm 2020. Đối với thành viên ban điều hành, thu nhập từ lương thưởng như sau:

STT	Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Thu nhập từ tiền công, tiền lương trong năm 2020
01	Ông Phùng Văn Hiền	Tổng Giám đốc	851.612.447

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

02	Ông Phạm Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc	543.682.000
03	Ông Trần Đình Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	387.285.470

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM - (CII)	Ông Lê Vũ Hoàng – Chủ tịch HĐQT	24.377.392	54.97%	28.059.622	61.71%	CII mua tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty trong năm 2020
2	Bùi Xuân Phước	Người nội bộ	39.060	0.99%	0	0%	Xử lý tài chính cá nhân

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện giao dịch sau với Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (cổ đông sở hữu 80% cổ phần có quyền biểu quyết)

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Chi tiết	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	Cổ đông lớn	0302483177, cấp ngày 24/12/2001, Sở KHĐT TPHCM	Số 3A Nguyễn Văn Thủ, Phường Đakao, Quận 1, Tp.HCM	16/06/2020	Thông qua tại cuộc họp HĐQT ngày 16/06/2020 ghi nhận thông qua tại biên bản số 12/2020/BB-HĐQT	Công ty CII hỗ trợ vốn thi công dự án Trung Lương – Mỹ Thuận, lãi suất ưu đãi 10%/năm, 400 tỷ đồng	
2		Cổ đông lớn			15/10/2020	Thông qua tại cuộc họp HĐQT ngày 14/10/2020 và được ghi nhận thông qua tại biên bản số 18/2020/BB-HĐQT	Công ty CII hỗ trợ vốn thi công dự án Trung Lương – Mỹ Thuận, lãi suất ưu đãi 10%/năm, 145 tỷ đồng	

Giao dịch trọng yếu trong kỳ với các Công ty thuộc nhóm Công ty liên quan đến Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh trong giai đoạn từ 01/01/2020 đến 31/12/2020:

BÁO CÁO THUỜNG NIÊN NĂM 2020**Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội**

Hỗ trợ vốn hợp tác đầu tư	200,000,000,000
Nhận hoàn trả vốn hợp tác đầu tư	200,000,000,000
Thu lãi trái phiếu	9,643,055,556
Nhận thanh toán chi phí sử dụng vốn theo hợp đồng hợp tác đầu tư	1,127,442,679
Thu tiền khối lượng thi công xây lắp các gói thầu dự án mở rộng Xa Lộ Hà Nội	74,371,246,726

Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận

Thu tiền khối lượng thi công các công trình	950,000,000
---	-------------

Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm

Thu tiền/tạm ứng vốn thi công và bán hàng hóa	8,833,510,896
Cần trừ nợ gốc vay phải trả với bên thứ 3	264,841,993,794
Cần trừ lãi vay phải trả với bên thứ 3	8,482,458,530
Nhận tiền vay trong kỳ	320,000,000,000
Hỗ trợ vốn hợp tác đầu tư	60,000,000,000
Cần trừ công nợ hợp tác đầu tư - lãi	2,038,356,164
Cần trừ công nợ hợp tác đầu tư - gốc	60,000,000,000
Chuyển tiền theo hợp đồng môi giới bất động sản	8,600,000,000

Công ty TNHH MTV Đầu Tư Hạ Tầng VRG

Thu tiền thi công dự án Thủ Thiêm, thi công xây lắp công trình DT 741, duy tu hệ thống chiếu sáng DT 741 và bán hàng hóa	10,296,297,968
--	----------------

Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu

Thu tiền thi công dự án Quốc lộ 60	28,049,836,273
Nhận hộ tiền thi công dự án Quốc lộ 60 từ các bên liên doanh	5,406,891,640
Khoản phải thu phát sinh tương ứng doanh thu các bên liên doanh đã xuất hóa đơn cho chủ đầu tư	4,705,349,192
Thu tiền vay	-
Chuyển trả tiền vay	8,000,000,000
Lãi vay đã trả	1,446,697,222

Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận

Tiền thi công dự án nhận được trong kỳ	557,950,540,529
Hoàn trả tiền tạm ứng trong kỳ	763,897,000
Lãi đi vay đã trả trong kỳ	-
Tiền đi vay nhận được trong kỳ	-
Hoàn trả tiền vay trong kỳ	-
Lãi đi vay nhập vào nợ gốc vay	-
Cần trừ thu tiền thi công vào nợ gốc vay	-

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII

Thu tiền thi công và bán hàng hóa	-
-----------------------------------	---

Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Hạ Tầng CII

Chi phí vệ sinh mặt đường	-
Thanh toán chi phí các dịch vụ đã phát sinh	548,191,100

Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy

Thu tiền bán vật tư và thi công trong kỳ	166,514,692,639
Hoàn trả tiền tạm ứng trong kỳ	111,304,651,525

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Cần trừ tiền nhận ứng trước thi công dự án sang tiền ứng trước cho thầu phụ	-
---	---

Tiền đi vay nhận được trong kỳ	9,500,000,000
--------------------------------	---------------

Chuyển trả lại tiền vay	9,500,000,000
-------------------------	---------------

Lãi đi vay đã trả trong kỳ	144,842,466
----------------------------	-------------

Công ty TNHH Dịch Vụ MCSC

Chi phí vệ sinh mặt đường	-
---------------------------	---

Thanh toán chi phí vệ sinh mặt đường	-
--------------------------------------	---

Công ty TNHH Đầu Tư Cao Ốc Văn Phòng Điện Biên Phủ

Hoàn trả tạm ứng tiền thiết bị vệ sinh	33,489,212,529
--	----------------

Nhận tạm ứng tiền thiết bị vệ sinh	20,043,751,665
------------------------------------	----------------

Hỗ trợ vốn hợp tác đầu tư	30,000,000,000
---------------------------	----------------

Cần trừ công nợ phải thu về hợp tác đầu tư với bên thứ 3	30,000,000,000
--	----------------

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty luôn tuân thủ tối đa các hướng dẫn tại nghị định 71/2017/NĐ-CP về quản trị Công ty đại chúng. Ngoài ra trong năm 2018, Công ty đã sửa đổi, ban hành Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty theo Thông tư 95/2017/TT-BTC theo hướng dẫn do Bộ Tài chính Ban Hành.

Năm 2021, có nhiều quy định mới chính thức có hiệu lực. Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty luôn theo sát để đưa ra những điều chỉnh phù hợp, trình Đại hội đồng cổ đông Công ty phê duyệt.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, công ty phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ

TỔNG GIÁM ĐỐC 


PHÙNG VĂN HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG HẠ TẦNG CII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 49

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII ((gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Phạm Vũ Thúc	Phó Chủ tịch thường trực
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Phùng Văn Hiền	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2020)

Ban Kiểm soát

Ông Lưu Hải Ca	Trưởng ban kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phùng Văn Hiền	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc thường trực
Ông Trần Đình Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Phùng Văn Hiền - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



Phùng Văn Hiến
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021

Số: 1204/2021/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2021, từ trang 5 đến trang 49, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến Thuyết minh số V.4 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện rằng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty còn phải thu Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG (Công ty VLXD SG) số tiền là 31.688.810.227 đồng. Đây là khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 1a/HĐCV ngày 2 tháng 1 năm 2018 với lãi suất 5%/năm và không có tài sản đảm bảo. Tuy nhiên Công ty VLXD SG với chức năng kinh doanh là mua bán vật liệu xây dựng, cung cấp vật tư cho nhiều nhà thầu phụ hiện đang thi công các công trình xây dựng của Công ty. Sau khi Công ty thực hiện thoái vốn trong công ty con này, Công ty cam kết sẽ hỗ trợ Công ty VLXD SG thu hồi các khoản nợ từ khách hàng để hoàn trả cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo sẽ không để xảy ra tổn thất từ khoản phải thu này.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Các kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần vào ngày 30 tháng 3 năm 2020.



Lương Giảng Thạch
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2178-2018-072-1

Phạm Thị Toan
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2767-2019-072-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ - CHI NHÁNH SÀI GÒN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.543.637.815.885	1.797.816.500.149
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	29.481.421.823	83.107.993.308
1. Tiền	111		29.481.421.823	78.107.993.308
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	120.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	120.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		886.821.555.425	964.316.288.346
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	119.259.523.028	182.543.541.103
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	156.829.412.935	111.501.870.062
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	343.127.313.637	441.490.783.929
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	288.183.922.340	251.567.713.826
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(20.578.616.515)	(22.787.620.574)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	605.370.311.260	622.968.688.021
1. Hàng tồn kho	141		605.370.311.260	622.968.688.021
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		21.964.527.377	7.423.530.474
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	5.820.534.185	1.083.640.556
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		4.950.032.061	6.339.889.918
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.18a	11.193.961.131	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		79.156.240.415	81.363.712.854
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.578.271.770	1.632.908.444
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	2.578.271.770	1.632.908.444
II. Tài sản cố định	220		18.050.173.041	26.395.724.948
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	16.484.330.072	24.362.011.740
- Nguyên giá	222		75.609.840.187	84.721.110.059
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(59.125.510.115)	(60.359.098.319)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	1.504.274.943	1.795.833.354
- Nguyên giá	225		2.040.909.091	2.040.909.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(536.634.148)	(245.075.737)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	61.568.026	237.879.854
- Nguyên giá	228		380.000.000	619.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(318.431.974)	(381.120.146)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	4.997.156.733	4.997.156.733
- Nguyên giá	231		5.836.987.368	5.836.987.368
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(839.830.635)	(839.830.635)
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	20.400.000.000	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		21.400.000.000	-
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.000.000.000)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		33.130.638.871	48.337.922.729
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	10.770.160.576	21.226.960.651
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14a	2.136.751.467	2.393.073.732
3. Lợi thế thương mại	269	V.15	20.223.726.828	24.717.888.346
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.622.794.056.300	1.879.180.213.003

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.190.843.190.576	1.475.211.355.862
I. Nợ ngắn hạn	310		957.045.796.540	1.454.661.763.383
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	88.942.052.335	163.574.930.079
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	254.490.772.059	468.497.064.188
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18b	4.565.120.049	8.889.392.957
4. Phải trả người lao động	314		1.786.530.445	1.338.336.625
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	12.940.983.894	15.174.615.557
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	261.862.632.912	34.198.608.615
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.21a	332.457.704.846	762.988.815.362
II. Nợ dài hạn	330		233.797.394.036	20.549.592.479
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21b	233.790.465.213	18.538.393.327
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.14b	6.928.823	2.011.199.152
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		431.950.865.724	403.968.857.141
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	431.950.865.724	403.968.857.141
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		415.000.000.000	415.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		415.000.000.000	415.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		400.000.000	400.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415		(39.818.367.279)	(39.818.367.279)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.667.692.056	7.667.692.056
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		48.701.540.947	20.719.532.364
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		20.719.532.364	85.365.764.511
- Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		27.982.008.583	(64.646.232.147)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.622.794.056.300	1.879.180.213.003


 Nguyễn Thị Bích Thảo
 Người lập biểu


 Bùi Xuân Phước
 Kế toán trưởng


 Phùng Văn Hiền
 Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2020	2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	827.527.169.792	684.542.782.435
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		827.527.169.792	684.542.782.435
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	801.232.705.546	640.352.159.095
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		26.294.464.246	44.190.623.340
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	98.927.042.806	57.241.718.050
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	74.775.105.182	96.760.030.318
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		72.018.375.182	81.745.183.886
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	695.754.155	3.456.713.804
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	28.337.030.311	52.268.229.540
11. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		21.413.617.404	(51.052.632.272)
12. Thu nhập khác	31	VI.7	2.211.814.334	129.216.571
13. Chi phí khác	32	VI.8	7.730.559.712	7.746.045.481
14. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(5.518.745.378)	(7.616.828.910)
15. Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		15.894.872.026	(58.669.461.182)
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	(10.448.888.493)	3.103.280.455
17. (Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn	52	VI.14	(1.747.948.064)	1.985.350.547
18. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		28.091.708.583	(63.758.092.184)
19. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế của công ty mẹ	61		28.091.708.583	(63.758.727.602)
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62			635.418
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10		(1.614)



Nguyễn Thị Bích Thảo
Người lập biểu



Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng



Phùng Văn Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	2020	2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. (Lỗ) kế toán trước thuế	01	15.894.872.026	(58.669.461.182)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ, BĐSĐT và phân bổ lợi thế thương mại	02	11.574.835.169	17.414.318.277
Các khoản dự phòng	03	10.055.424.840	18.124.094.433
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(100.000.849.586)	(42.946.822.771)
Chi phí lãi vay	06	72.018.375.182	81.745.183.886
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	9.542.657.631	15.667.312.643
Tăng các khoản phải thu	09	(112.086.647.918)	(182.679.680.451)
Tăng hàng tồn kho	10	13.586.216.928	(134.206.143.706)
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	6.197.712.284	247.705.519.199
Tăng chi phí trả trước	12	4.908.768.772	10.738.249.255
Tiền lãi vay đã trả	14	(73.909.845.281)	(81.323.795.610)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(941.026.053)	(17.261.643.974)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(333.200.000)	(2.444.426.660)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(153.035.363.637)	(143.804.609.304)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.854.923.583)	(781.159.704)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	38.181.818	12.150.035.196
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.133.426.298.154)	(736.629.201.758)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.378.173.935.666	852.674.239.039
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(151.164.372)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	10.000.000	88.214.959.207
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	71.925.139.007	55.348.844.247
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	312.714.870.382	270.977.716.227

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	2020	2019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	907.202.053.314	713.636.405.332
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.119.945.845.828)	(783.887.470.495)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(562.285.716)	(9.912.027.307)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(18.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(213.306.078.230)	(80.181.092.470)
 Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(53.626.571.485)	46.992.014.453
 Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	83.107.993.308	36.115.978.855
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	29.481.421.823	83.107.993.308



Nguyễn Thị Bích Thảo
Người lập biểu



Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng



Phùng Văn Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304200346 cấp lần đầu ngày 19 tháng 1 năm 2006 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và qua các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 415 tỷ đồng, được chia thành 41,5 triệu cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty CII"). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 74,91%.

Tên Công ty viết tắt là: CII E&C.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: CEE.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 156 Hoa Lan, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng, kinh doanh, chuyển giao công nghệ công trình giao thông theo hình thức hợp đồng B.O.T; xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; công trình công ích; cho thuê máy móc, thiết bị; khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; sản xuất bê tông và các thành phẩm từ xi măng, thạch cao; tư vấn kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; sản xuất vật liệu xây dựng, gia công dầm cầu thép, cấu kiện thép, sản phẩm cơ khí khác; sửa chữa máy móc, thiết bị thi công; phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng và các ngành nghề khác được quy định trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty và công ty con trong năm là thi công xây lắp; cho thuê máy móc thiết bị; khai thác sản xuất đá, gạch; mua bán vật tư xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm có liên quan đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty đã giảm vốn góp trong Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi từ 75 tỷ đồng xuống 45 tỷ đồng. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2020, công ty con đã thực hiện điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp liên quan đến việc giảm vốn điều lệ này.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, Công ty đã thực hiện thoái vốn trong Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng SG từ 100% xuống 10%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đang đầu tư vào một (01) công ty con như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	100%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho cùng kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chỉ tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được ghi nhận là một loại tài sản dài hạn trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính nhưng không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phần bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ khoản lợi thế thương mại này.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn từ sau ngày mua được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích. Lãi và các khoản lợi ích khác mà Công ty được hưởng trước khi nắm giữ khoản đầu tư được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập khi các khoản đầu tư này có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản đầu tư tài chính** (tiếp theo)**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán. Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho khác được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 12
Máy móc và thiết bị	3 – 10
Phương tiện vận tải	3 – 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị của phần mềm máy tính, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Tài sản thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây). Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư hoặc từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu hoặc hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng. Bất động sản chủ sở hữu sử dụng chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu kết thúc sử dụng tài sản đó và khi bên khác thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư chuyển thành bất động sản chủ sở hữu khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này. Bất động sản đầu tư chuyển thành hàng tồn kho khi chủ sở hữu bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Hàng tồn kho chuyển thành bất động sản đầu tư khi chủ sở hữu bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động. Bất động sản xây dựng chuyển thành bất động sản đầu tư khi kết thúc giai đoạn xây dựng, bàn giao đưa vào đầu tư.

Việc chuyển đổi mục đích sử dụng giữa bất động sản đầu tư với bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi giá trị ghi sổ của tài sản được chuyển đổi và không làm thay đổi nguyên giá của bất động sản trong việc xác định giá trị hay để lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Bất động sản đầu tư** (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi không còn được nắm giữ lâu dài và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Doanh thu từ việc bán bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được hoặc sẽ thu được. Chi phí bán và giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ bán bất động sản đầu tư.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí khai thác khoáng sản không được vốn hóa vào giá trị tài sản cố định vô hình và các khoản chi phí trả trước khác.

Các chi phí khai thác khoáng sản không được ghi nhận là tài sản cố định vô hình bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng mỏ và chi phí đền bù, xây dựng mỏ;
- Chi phí bóc tầng phủ trong quá trình khai thác đá;
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp cho cơ quan Nhà nước địa phương nơi khai thác.

Chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng và chi phí đền bù, xây dựng mỏ

Các khoản chi phí thăm dò, đánh giá trữ lượng, đền bù và xây dựng cơ sở hạ tầng cho mỏ được ghi nhận là một khoản chi phí trả trước dài hạn dựa theo các chi phí thực tế phát sinh. Các khoản chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được phép khai thác mỏ.

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác nhân với đơn giá do UBND tỉnh nơi có mỏ khai thác công bố theo Nghị định số 2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính Phủ. Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được ghi nhận là chi phí trả trước và phân bổ tỷ lệ sản lượng khai thác thực tế hàng năm so với tổng trữ lượng ước tính của mỏ.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa mỏ khai thác khoáng sản, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định... và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua – bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu, thu nhập khác** (tiếp theo)***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết bên dưới).

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty mẹ, các Công ty con của Công ty mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh bao gồm: sản xuất, kinh doanh bán hàng; thi công xây dựng, lắp đặt, duy tu công trình; cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ khác và chỉ hoạt động trong một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	91.184.090	347.020.487
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	29.390.237.733	77.760.972.821
Các khoản tương đương tiền	-	5.000.000.000
Cộng	29.481.421.823	83.107.993.308

2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Bên liên quan	20.255.222.582	23.881.894.593
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	13.402.852.636	19.715.924.193
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	5.290.735.921	800.132.936
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	1.019.582.875	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	475.696.190	475.696.190
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	66.354.960	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	-	2.890.141.274
Các đối tượng khác	99.004.300.446	158.661.646.510
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	37.811.724.478	43.454.283.135
Công ty TNHH Xây dựng Nền móng Tam Đạt	13.395.976.141	31.176.752.667
Các khách hàng khác	47.796.599.827	84.030.610.708
Cộng	119.259.523.028	182.543.541.103

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Dân dụng E&C	46.341.282.666	55.898.872.497
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dịch vụ Vận tải Hà Thành	29.933.808.210	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 515	13.690.878.527	10.890.878.527
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Công trình Sài Gòn (Tên cũ là: Công ty Cổ phần Teracons)	9.860.728.781	10.824.554.744
Công ty Cổ phần Xây dựng Đại Quang Minh	9.332.326.878	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại 592	7.859.576.560	6.835.076.560
Khác	39.810.811.313	27.052.487.734
Cộng	156.829.412.935	111.501.870.062

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Bên liên quan		
Công ty CII (i)	201.878.860.569	284.848.840.774
Các đối tượng khác	141.248.453.068	156.641.943.155
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành (ii)	83.097.621.469	74.808.994.476
Công ty Cổ phần Pearl City	9.600.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG (iii)	31.688.810.227	-
Đối tượng khác	16.862.021.372	51.832.948.679
Cộng	343.127.313.637	441.490.783.929

(i) Khoản phải thu theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 41/2016 ngày 21 tháng 10 năm 2016 nhằm mục đích bổ sung nguồn vốn hoạt động kinh doanh, tối ưu hóa nguồn lực tài chính với tổng hạn mức 410 tỷ đồng và lãi suất là 10%/năm.

(ii) Đây là khoản phải thu liên quan đến hợp đồng hợp tác kinh doanh số 08/HĐHT/2018 ngày 29 tháng 6 năm 2018, trong đó các bên thỏa thuận rằng Công ty đồng ý cho Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Lâm Viên ("Lâm Viên") vay tiền bằng cách sử dụng sổ tiền ở tài khoản giao dịch chứng khoán của Công ty mở tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành ("Việt Thành") với lãi suất 10,5%/năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản tiền Công ty Lâm Viên đã sử dụng và có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty là 82.961.151.851 đồng.

(iii) Đây là khoản hỗ trợ vốn theo hợp đồng số 1a/HĐCV ngày 2 tháng 1 năm 2018 với lãi suất 5%/năm và không có tài sản đảm bảo. Tuy nhiên Công ty VLXD SG với chức năng kinh doanh là mua bán vật liệu xây dựng, cung cấp vật tư cho nhiều nhà thầu phụ hiện đang thi công các công trình xây dựng của Công ty. Sau khi Công ty thực hiện thoái vốn trong công ty con này, Công ty cam kết sẽ hỗ trợ Công ty VLXD SG thu hồi các khoản nợ từ khách hàng để hoàn trả cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo sẽ không để xảy ra tổn thất từ khoản phải thu này. Số dư đầu kỳ với giá trị là 43.488.810.227 đồng đã bị loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất vì thời điểm này Công ty VLXD SG vẫn còn là công ty con của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**5. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
a. Ngắn hạn		
Tạm ứng vốn thi công các công trình xây dựng	231.615.465.625	205.776.041.923
Lợi nhuận phải thu	7.286.588.612	7.286.588.612
Kỳ cược, kỳ quỹ	31.232.169.319	338.223.999
Phải thu về lãi trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay	7.124.755.261	17.910.299.179
Các khoản chi hộ	6.556.545.939	6.778.769.409
Góp vốn hợp tác kinh doanh	711.872.739	711.872.739
Phải thu người lao động	526.083.585	9.858.976.705
Các khoản phải thu khác	3.130.441.260	2.906.941.260
	288.183.922.340	251.567.713.826
b. Dài hạn		
Kỳ cược, kỳ quỹ	2.578.271.770	1.632.908.444
	2.578.271.770	1.632.908.444
Cộng	290.762.194.110	253.200.622.270
<i>Trong đó, phải thu các bên liên quan:</i>		
Công ty CII	2.089.071.489	3.721.511.754
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	-	7.733.333.334
Cộng	2.089.071.489	11.454.845.088

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

6. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	3.374.041.243	169.191.174	(3.204.850.069)	2.501.065.131
Trả trước cho người bán ngắn hạn	970.793.497	58.122.545	(912.670.852)	787.642.437
Phải thu ngắn hạn khác	32.435.188.983	15.974.093.489	(16.461.095.494)	49.450.192.710
Cộng	36.780.023.723	16.201.407.208	(20.578.616.515)	52.738.900.278
				29.951.279.704
				(22.787.620.574)

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	15.639.924.930	-	16.032.213.188	-
Công cụ, dụng cụ	62.948.776	-	61.050.772	-
Chi phí thi công các công trình xây dựng dở dang (i)	527.436.689.923	-	539.393.945.115	-
Chi phí sản xuất sản phẩm dở dang	32.473.625.184	-	35.243.103.974	-
Thành phẩm	13.958.757.111	-	13.723.011.739	-
Hàng hóa	15.798.385.336	-	18.515.363.233	-
Cộng	605.370.311.260	-	622.968.688.021	-
				-
(i) Chi tiết các công trình thi công dở dang:				
Công trình thi công mở rộng Xa lộ Hà Nội	262.402.075.267	-	262.324.171.410	-
Công trình thi công đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận	169.674.621.586	-	183.803.300.694	-
Công trình thi công hạ tầng, khu đô thị Thủ Thiêm	34.179.909.078	-	31.696.734.031	-
Công trình thi công xây dựng Quốc Lộ 60, giai đoạn 2	-	-	8.399.926.986	-
Các công trình khác	61.180.063.992	-	53.169.811.994	-
Cộng	527.436.669.923	-	539.393.945.115	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**B. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Hoa hồng môi giới bất động sản	4.089.366.000	-
Phí bảo lãnh thi công các công trình xây dựng	704.518.913	-
Phí cam kết rút vốn	500.000.000	-
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	203.708.007	-
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	73.358.932	666.734.486
Chi phí khác chờ phân bổ	249.582.333	416.906.070
	5.820.534.185	1.083.640.556
b. Dài hạn		
Chi phí đền bù, trùng tu và chi phí cấp quyền khai thác mỏ khoáng sản	9.929.953.587	11.000.648.318
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	238.389.254	634.737.142
Chi phí thiết kế, sửa chữa tài sản cố định	285.113.135	237.756.061
Chi phí san lấp mặt bằng và làm đường công vụ phục vụ dự án	-	8.128.279.265
Chi phí khác chờ phân bổ	316.704.600	1.225.539.865
	10.770.160.576	21.226.960.651
Cộng	16.590.694.761	22.310.601.207

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Công VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2020	10.056.290.395	57.629.844.679	15.561.083.258	1.473.891.727	84.721.110.059
Mua trong năm	-	1.381.818.183	2.473.105.400	-	3.854.923.583
Phân loại lại		(787.960.155)	750.740.154	37.220.001	-
Thanh lý, nhượng bán trong năm	(2.658.055.078)	(130.000.000)	(710.777.273)	-	(3.498.832.351)
Giảm do thanh lý công ty con	-	(7.628.534.739)	(1.259.363.637)	(579.462.728)	(9.467.361.104)
Tại ngày 31/12/2020	7.398.235.317	50.465.167.968	16.814.787.902	931.649.000	75.609.840.187
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2020	7.484.483.160	41.275.810.669	10.376.399.989	1.222.404.501	60.359.098.319
Khấu hao trong năm	557.459.216	3.795.534.128	2.202.748.889	149.623.006	6.705.365.239
Phân loại lại	(7.248.123)	1.386.910.266	(1.208.443.424)	(171.218.719)	-
Thanh lý, nhượng bán trong năm	(1.255.190.698)	(130.000.000)	(591.256.415)	-	(1.976.447.113)
Giảm do thanh lý công ty con	-	(4.724.265.632)	(850.623.413)	(387.617.285)	(5.962.506.330)
Tại ngày 31/12/2020	6.779.503.555	41.603.989.431	9.928.825.626	813.191.503	59.125.510.115
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2020	2.571.807.235	16.354.034.010	5.184.683.269	251.487.226	24.362.011.740
Tại ngày 31/12/2020	618.731.762	8.861.178.537	6.885.962.276	118.457.497	16.484.330.072

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 38.850.983.964 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 là 34.077.491.029 đồng).

Công ty đã sử dụng một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải để thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng. Nguyên giá của tài sản thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 29.225.959.383 đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 là 28.792.085.802 đồng) (chi tiết xem tại thuyết minh số V.21).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUẾ TÀI CHÍNH

	Máy móc thiết bị
	<u>VND</u>
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2020 và 31/12/2020	2.040.909.091
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2020	245.075.737
Khấu hao trong năm	291.558.411
Tại ngày 31/12/2020	536.634.148
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2020	1.795.833.354
Tại ngày 31/12/2020	1.504.274.943

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2020	100.000.000	519.000.000	619.000.000
Giảm do thanh lý công ty con		(239.000.000)	(239.000.000)
Tại ngày 31/12/2020	100.000.000	280.000.000	380.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2020	100.000.000	281.120.146	381.120.146
Khấu hao trong năm	-	83.750.001	83.750.001
Giảm do thanh lý công ty con		(146.438.173)	(146.438.173)
Tại ngày 31/12/2020	100.000.000	218.431.974	318.431.974
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2020	-	237.879.854	237.879.854
Tại ngày 31/12/2020	-	61.568.026	61.568.026

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 là 260.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2020 và tại ngày 31/12/2020	5.836.987.368
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2020 và tại ngày 31/12/2020	839.830.635
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2020 và tại ngày 31/12/2020	4.997.156.733

Bất động sản đầu tư là lô đất chờ tăng giá tại địa chỉ số 29/3, đường D2, Phường 2, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay đổi tên là đường Nguyễn Gia Trí). Lô đất có thời hạn sử dụng 50 năm, sẽ hết thời gian sử dụng vào ngày 19 tháng 1 năm 2056 theo Quyết định số 1218/QĐ-UBND ngày 18 tháng 03 năm 2010 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

Giá trị quyền sử dụng đất đã được được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng BIDV - CN Vĩnh Long (*chi tiết xem tại thuyết minh số V.21*).

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, căn cứ vào giá thị trường của những tài sản tương đương và vị trí địa lý của lô đất mà Công ty đang sở hữu, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng không có bất cứ tổn thất nào về mặt giá trị của tài sản cần phải ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất tại ngày kết thúc niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

13. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Pearl City	20.400.000.000	-	(i)	-	-	-
Công ty TNHH MTV Vật liệu Xây dựng SG	1.000.000.000	(1.000.000.000)	(i)	-	-	-
Cộng	21.400.000.000	(1.000.000.000)	(i)	-	-	-

(i) Giá trị hợp lý của công ty không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

14. THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tại ngày 01/01/2019	-	Các khoản lãi/(lỗ) chưa thực hiện bị loại trừ khi hợp nhất	2.417.117.116	Cộng	2.417.117.116
Thuế suất thuế TNDN	20%		20%		20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	-		24.043.384		24.043.384
Tại ngày 01/01/2020	-		2.393.073.732		2.393.073.732
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%		20%		20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	-		256.322.265		256.322.265
Tại ngày 31/12/2020	-		2.136.751.467		2.136.751.467

b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tại ngày 01/01/2019	-		49.891.989		49.891.989
Thuế suất thuế TNDN	20%		20%		20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(2.000.000.000)		38.692.837		(1.961.307.163)
Tại ngày 01/01/2020	2.000.000.000		11.199.152		2.011.199.152
Thuế suất thuế TNDN	20%		20%		20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	2.000.000.000		4.270.329		2.004.270.329
Tại ngày 31/12/2020	-		6.928.823		6.928.823
Chi phí thuần ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm					(1.747.948.064)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Giá trị ghi sổ VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2020 và 31/12/2020	44.941.615.175
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2020	20.223.726.829
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm	4.494.161.518
Tại ngày 31/12/2020	24.717.888.347
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2020	24.717.888.346
Tại ngày 31/12/2020	20.223.726.828



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị VND	Số có khả năng thanh toán VND
Bên liên quan	5.000.000.000	5.000.000.000	5.548.191.100	5.548.191.100
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	-	548.191.100	548.191.100
Đối tượng khác	83.942.052.335	83.942.052.335	158.026.738.979	158.026.738.979
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông Nam An	15.483.085.887	15.483.085.887	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Công trình 585 Hậu Giang	8.414.192.199	8.414.192.199	-	-
Công ty TNHH Xây dựng Fico Corea	7.169.773.827	7.169.773.827	7.169.773.827	7.169.773.827
Công ty Cổ phần ROADCO	5.174.530.614	5.174.530.614	9.398.870.084	9.398.870.084
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại An Phú Thành	3.858.285.498	3.858.285.498	20.305.367.451	20.305.367.451
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BMT	1.064.976.274	1.064.976.274	10.012.726.949	10.012.726.949
Công ty Cổ phần Bê tông Ly Tâm Thủ Đức 1	-	-	12.787.602.549	12.787.602.549
Công ty Cổ phần Bê tông Ly Tâm Thủ Đức - Long An	-	-	12.054.053.350	12.054.053.350
Các đối tượng khác	42.777.208.036	42.777.208.036	86.298.344.769	86.298.344.769
Cộng	88.942.052.335	88.942.052.335	163.574.930.079	163.574.930.079

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Bên liên quan	232.254.541.510	467.992.740.736
Công ty Cổ Phần BOT Trung Lương		
- Mỹ Thuận	124.417.522.155	272.267.900.969
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng		
Xa lộ Hà Nội	78.273.248.413	150.905.458.937
Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Bẩy Bẩy	21.899.252.103	5.256.256.156
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	6.352.170.947	-
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	950.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Phát triển		
Xây dựng Ninh Thuận	362.347.892	362.347.892
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên		
Phủ	-	13.445.460.864
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	25.755.315.918
Các đối tượng khác	22.236.230.549	504.323.452
Cộng	254.490.772.059	468.497.064.188

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	-	(10.415.767.527)	282.530.613	10.698.298.140
Các khoản phải nộp khác	-	(495.662.991)	-	495.662.991
Cộng	-	(10.911.430.518)	282.530.613	11.193.961.131
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	1.897.718.337	6.583.257.057	7.951.077.842	529.897.552
Thuế thu nhập cá nhân	1.838.083.097	1.670.756.680	1.112.135.842	2.396.703.935
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	818.807.287	(33.120.966)	658.495.440	127.190.881
Thuế tài nguyên	2.720.016.194	1.998.411.242	3.738.919.866	979.507.570
Các khoản khác	1.614.768.042	1.000.364.984	2.083.312.915	531.820.111
Cộng	8.889.392.957	11.219.668.997	15.543.941.905	4.565.120.049

(i) Trong năm, Công ty xác định lại chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp các năm 2017, 2018 theo ND 132/2020/ND-CP và thực hiện giảm trừ vào số thuế TNDN phải nộp năm nay (xem chi tiết thuyết minh VI.9).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí thi công công trình	9.951.309.713	12.106.084.006
Chi phí lãi vay phải trả	1.872.674.181	1.975.031.551
Chi phí sản xuất kinh doanh khác	1.117.000.000	1.093.500.000
Cộng	12.940.983.894	15.174.615.557

20. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Thu hộ tiền đặt cọc giữ chỗ mua căn hộ (i)	226.754.640.000	-
Các khoản thu hộ khác	26.667.821.681	27.568.702.172
Phải trả các đội thi công	5.217.850.131	3.491.685.868
Phải trả về gốc và lãi hỗ trợ kinh doanh	2.022.960.400	1.304.121.110
Bảo hiểm xã hội	309.141.192	598.836.706
Phải trả về mua cổ phần	410.000.000	410.000.000
Kinh phí công đoàn	245.206.186	189.423.862
Các khoản phải trả, phải nộp khác	235.013.322	635.838.897
Cộng	261.862.632.912	34.198.608.615

Trong đó, phải trả các bên liên quan:

Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	-	1.184.666.666
--------------------------------	---	---------------

(i) Đây là khoản nhận giữ chỗ, đặt cọc từ khách hàng mua các căn hộ thuộc dự án Khu đô thị mới Thủ Thiêm do Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm làm chủ đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH****a. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	31/12/2020		Phát sinh trong năm		01/01/2020	
	Nợ gốc	Số có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng BIDV - CN Vĩnh Long	248.154.553.448	248.154.553.448	378.700.289.495	342.942.768.638	212.397.032.591	212.397.032.591
Ngân hàng HD Bank - Trung tâm Kinh doanh	50.000.000.000	50.000.000.000	150.000.000.000	250.000.000.000	150.000.000.000	150.000.000.000
Ngân hàng Vietinbank CN 11, TP. Hồ Chí Minh	23.000.000.000	23.000.000.000	54.920.686.396	31.920.686.396	-	-
Ngân hàng BIDV - CN Quảng Ngãi	10.782.647.684	10.782.647.684	22.718.012.629	23.626.596.000	11.691.231.055	11.691.231.055
Các khoản vay các bên liên quan (i)	-	-	264.841.993.794	272.841.993.794	8.000.000.000	8.000.000.000
Các khoản vay cá nhân ngắn hạn	-	-	-	125.901.690.000	125.901.690.000	125.901.690.000
Nợ thuế tài chính đến hạn trả (xem Thuyết minh b)	520.503.714	520.503.714	-	-	254.998.861.716	254.998.861.716
Cộng	332.457.704.846	332.457.704.846	871.180.982.314	1.047.233.734.828	762.988.815.362	762.988.815.362
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	-	-	264.841.993.794	264.841.993.794	-	-
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	-	-	-	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	-	-	264.841.993.794	272.841.993.794	8.000.000.000	8.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THỐNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)**b. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn**

	31/12/2020		Phát sinh trong năm		01/01/2020	
	Nợ gốc		Tăng		Nợ gốc	
	VND	Số có khả năng thanh toán VND	VND	Giảm VND	VND	Số có khả năng thanh toán VND
Các khoản vay cá nhân dài hạn	233.660.075.600	233.660.075.600	34.048.110.600	72.712.111.000	272.324.076.000	272.324.076.000
Nợ thuế tài chính phải trả Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST	650.893.327	650.893.327	-	562.285.716	1.213.179.043	1.213.179.043
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(520.503.714)	(520.503.714)			(254.998.861.716)	(254.998.861.716)
	<u>130.389.613</u>	<u>130.389.613</u>	<u>34.048.110.600</u>	<u>73.274.396.716</u>	<u>(253.785.682.673)</u>	<u>(253.785.682.673)</u>
Cộng	<u>233.790.465.213</u>	<u>233.790.465.213</u>	<u>34.048.110.600</u>	<u>73.274.396.716</u>	<u>18.538.393.327</u>	<u>18.538.393.327</u>
Cộng	<u>566.248.170.059</u>	<u>566.248.170.059</u>			<u>781.527.208.689</u>	<u>781.527.208.689</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay và nợ thuế tài chính**

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tại sản đảm bảo và các thông tin khác
Ngắn hạn					
Ngân hàng BIDV - CN Vĩnh Long	248.154.553.448	8 tháng	7% - 8,4%	Bổ sung vốn lưu động.	- Quyền sử dụng đất tại số 29/3, Đường D2, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh (nay đổi tên là đường Nguyễn Gia Trí); - Hệ thống đúc hẫng; - Xe ô tô Toyota Camry 51F-827.78; - Xe ô tô Toyota Land Cruiser 51G-337.79; - Quyền đối nợ các khoản phải thu đã thế chấp với ngân hàng; - 1.500.000 cổ phiếu NBB do Công ty mẹ (CII) sở hữu; - Máy đào bánh xích nhãn hiệu KOMATSU, biển số 50XA - 5192 - Xe tải tự do biển số 51D-643.09 - Xe tải tự do biển số 51D-645.87
Ngân hàng HD Bank - Trung tâm Kinh doanh	50.000.000.000	12 tháng	10,0%	Hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội thực hiện dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1.	8.500.000 cổ phiếu LGC do Công ty mẹ (CII) sở hữu.
Ngân hàng Vietinbank CN 11, TP. Hồ Chí Minh	23.000.000.000	12 tháng	9,0%	Bổ sung vốn lưu động.	Trái phiếu phát hành bởi ngân hàng Vietinbank với tổng mệnh giá là 23 tỷ đồng do Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm và Công ty CII sở hữu.
Ngân hàng BIDV - CN Quảng Ngãi	10.782.647.684	12 tháng	7,0%	Bổ sung vốn lưu động.	Nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn và quyền khai thác đá tại mỏ Thọ Bắc, xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay và nợ thuế tài chính** (tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo và các thông tin khác
Dài hạn					
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SUMI TRUST - CN Đà Nẵng	650.893.327	36 tháng	8,5%	Thuế tài chính.	Giá trị khoản đặt cọc cho khoản thuế tài chính là 112.750.000 VND. Sau khi kết thúc hợp đồng Công ty sẽ mua lại toàn bộ thiết bị với giá mua lại là 1.000.000 VND.
Các khoản vay các cá nhân	233.660.075.600	24 tháng	8,5%	Bổ sung vốn lưu động.	Vay tín chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2020	01/01/2020
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	520.503.714	254.998.861.716
Trong năm thứ hai	233.790.465.213	18.538.393.327
	234.310.968.927	273.537.255.043
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng tới	<u>(520.503.714)</u>	<u>(254.998.861.716)</u>
Cộng	<u>233.790.465.213</u>	<u>18.538.393.327</u>

Trong tổng giá trị nợ đến hạn trả đầu kỳ, Công ty đã thực hiện gia hạn thanh toán cho số tiền 185.735.815.000 đồng với kỳ hạn 24 tháng nên tiếp tục được trình bày là khoản nợ dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Công VND
Tại ngày 01/01/2019	415.000.000.000	400.000.000	(39.818.367.279)	8.878.207.573	85.406.105.805	175.738.134	470.041.684.233
Lỗ trong năm	-	-	-	-	(63.758.727.602)	635.418	(63.758.092.184)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(18.000.000)	(18.000.000)
Thủ lao cho Hội đồng quản trị	-	-	-	-	(584.688.214)	(343.721)	(585.031.935)
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	1.015.613.861	(1.015.613.861)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.473.970.361)	(1.772.451)	(1.475.742.812)
Sử dụng quỹ	-	-	-	(89.378.500)	166.262	(166.262)	(89.378.500)
Tặng/giảm khác	-	-	-	(2.136.750.878)	2.146.260.335	(156.091.118)	(146.581.661)
Tại ngày 31/12/2019	415.000.000.000	400.000.000	(39.818.367.279)	7.667.692.056	20.719.532.364	-	403.968.857.141
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	28.091.708.583	-	28.091.708.583
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(109.700.000)	-	(109.700.000)
Tại ngày 31/12/2020	415.000.000.000	400.000.000	(39.818.367.279)	7.667.692.056	48.701.540.947	-	431.950.865.724

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	31/12/2020 Cổ phiếu	01/01/2020 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	41.500.000	41.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	41.500.000	41.500.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	(2.000.000)	(2.000.000)
+ Cổ phiếu phổ thông	(2.000.000)	(2.000.000)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	39.500.000	39.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	39.500.000	39.500.000
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

c. Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 ngày 22 tháng 4 năm 2020, Công ty không chia cổ tức, toàn bộ lợi nhuận của năm 2019 được giữ lại nhằm bổ sung vốn chủ sở hữu phục vụ hoạt động kinh doanh.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	2020 VND	2019 VND
Doanh thu từ hoạt động xây dựng	769.542.301.248	529.851.217.803
Doanh thu bán hàng	51.956.023.908	148.807.330.740
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.022.935.545	4.610.076.019
Doanh thu khác	5.909.091	1.274.157.873
Cộng	827.527.169.792	684.542.782.435

Trong đó, doanh thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan:

Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	640.942.747.584	83.678.048.182
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	39.295.519.015	103.663.874.069
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	35.121.272.842	88.585.077.553
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	31.649.642.862	25.149.982.901
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	19.760.694.918	129.590.801.438
Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	958.168.861	20.249.204.742
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	926.893.523	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	-	2.499.737.606
Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	-	(683.458.382)
Cộng	768.654.939.605	452.733.268.109

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	2020 VND	2019 VND
Giá vốn từ hoạt động xây dựng	749.596.016.534	490.851.963.153
Giá vốn hàng đã bán	49.120.603.145	147.176.272.799
Giá vốn của dịch vụ	2.516.085.867	2.254.799.167
Giá vốn khác	-	69.123.976
Cộng	801.232.705.546	640.352.159.095

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay và trái phiếu	69.434.952.082	57.169.138.050
Lãi từ chuyển nhượng, thanh lý công ty con	29.492.090.724	-
Doanh thu tài chính khác	-	72.580.000
Cộng	98.927.042.806	57.241.718.050

Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh với các bên liên quan:

Công ty CII	50.363.846.488	26.108.899.805
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	3.037.164.901	12.166.666.667
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	2.038.356.164	-
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	325.479.452	-
Cộng	55.764.847.005	38.275.566.472

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2020 VND	2019 VND
Chi phí lãi vay	72.018.375.182	81.745.183.886
Lỗ chuyển nhượng, thanh lý công ty con	-	12.257.092.449
Phí cam kết rút vốn vay	2.750.000.000	2.750.000.000
Chi phí tài chính khác	6.730.000	7.753.983
Cộng	74.775.105.182	96.760.030.318

Trong đó, chi phí tài chính phát sinh với các bên liên quan:

Công ty CII	11.107.594.086	1.816.036.205
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	8.646.842.092	383.561.644
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	262.030.556	1.206.193.056
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	144.842.466	194.684.932
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	-	3.219.310.262
Cộng	20.161.309.200	6.819.786.099

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**5. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên	-	793.790.599
Chi phí dịch vụ mua ngoài	692.536.428	2.186.022.762
Chi phí bằng tiền khác	3.217.727	476.900.443
Cộng	695.754.155	3.456.713.804

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	8.254.640.597	19.297.088.105
Chi phí đồ dùng văn phòng	789.905.700	1.816.495.608
Chi phí khấu hao tài sản cố định	851.761.926	1.453.939.359
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	4.000.000
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	8.812.620.556	18.124.094.433
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.000.442.912	5.248.711.477
Chi phí bằng tiền khác	1.128.497.102	1.829.739.040
Phân bổ lợi thế thương mại	4.494.161.518	4.494.161.518
Cộng	28.337.030.311	52.268.229.540

7. THU NHẬP KHÁC

	2020	2019
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	1.073.806.780	-
Các khoản thu nhập khác	1.138.007.554	129.216.571
Cộng	2.211.814.334	129.216.571

8. CHI PHÍ KHÁC

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí thanh lý nhà máy gạch và trạm trộn bê tông	7.190.102.018	-
Các khoản phạt vi phạm hành chính và chậm nộp trong lĩnh vực thuế, bảo hiểm	125.582.816	1.417.428.236
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	1.965.222.830
Chi phí thiết kế, thi công văn phòng cũ	-	2.938.696.999
Các khoản chi phí khác	414.874.878	1.424.697.416
Cộng	7.730.559.712	7.746.045.481

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)**9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	15.894.872.026	(58.669.461.182)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Chi phí không được trừ	727.242.277	11.372.486.580
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-
Lợi thế thương mại phân bổ	4.494.161.518	4.494.161.518
Lãi từ thanh lý công ty con	(29.492.090.724)	12.257.092.449
Lãi/lợi nhuận chưa thực hiện từ giao dịch nội bộ bị loại trừ khi hợp nhất	(1.250.259.680)	38.086.681.330
Các khoản lỗ tính thuế bị bù trừ khi hợp nhất	17.361.905.678	-
Thu nhập chịu thuế	7.735.831.095	7.540.960.695
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp	1.547.166.219	1.508.192.139
Thuế TNDN năm trước bổ sung	207.528.828	1.595.088.316
Thuế TNDN năm trước điều chỉnh giảm (i)	(12.203.583.540)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(10.448.888.493)	3.103.280.455

(i) Ngày 5 tháng 11 năm 2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ("NĐ 132") thay thế Nghị định số 68/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2020 và Nghị định số 20/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2017 ("NĐ 20") về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Trong đó quy định tổng lãi tiền vay sau khi trừ lãi tiền gửi và lãi cho vay phát sinh trong kỳ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp không vượt quá 30% của EBITDA. NĐ 132 có hiệu lực áp dụng từ năm tài chính 2020 và cho phép các doanh nghiệp áp dụng hồi tố cho các năm 2017, 2018 và 2019. Phần chênh lệch giữa số thuế phát sinh khi áp dụng NĐ 132 so với NĐ 20 được phép giảm trừ vào số thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm 2020.

Việc áp dụng Nghị định 132 đã làm cho số thuế phải nộp trong các năm 2017, 2018 và 2019 giảm đi số tiền là 12.203.583.540 đồng và đã được Công ty ghi nhận giảm trừ vào số thuế phải nộp năm nay.

10. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế của Công ty mẹ	28.091.708.583	(63.758.727.602)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	28.091.708.583	(63.758.727.602)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	39.500.000	39.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	711	(1.614)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

11. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	190.888.827.354	182.086.730.676
Chi phí công cụ dụng cụ	7.274.269.252	80.944.494.502
Chi phí nhân công	45.484.817.052	61.272.763.835
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.718.507.766	18.476.100.699
Chi phí dự phòng	4.532.101.504	18.124.094.433
Chi phí dịch vụ mua ngoài	549.323.135.435	427.956.099.271
Chi phí bằng tiền khác	10.204.984.919	18.328.424.719
Cộng	813.426.643.282	807.188.708.135

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. DANH SÁCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Danh sách các bên liên quanMối quan hệ

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("Công ty CII")	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận	Công ty liên danh của tập đoàn

Ngoài các số dư và giao dịch đã được trình bày tại các Thuyết minh khác trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

	2020 VND	2019 VND
Công ty CII		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	1.127.240.000.000	551.620.000.000
Hoàn trả tiền nhận hỗ trợ vốn	1.508.400.525	311.459.902.018
Thanh toán chi phí sử dụng vốn	491.599.475	990.103.676
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	1.872.862.700.000	655.267.994.306
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	600.175.076.233	380.914.270.694
Nhận thanh toán chi phí sử dụng vốn	32.544.923.767	20.960.051.798
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội		
Chuyển vốn hợp tác đầu tư	200.000.000.000	200.000.000.000
Thu hồi vốn hợp tác đầu tư	200.000.000.000	200.000.000.000
Thu lãi trái phiếu	9.643.055.556	12.000.000.000
Thu lãi hợp tác đầu tư trong năm	1.127.442.679	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	320.000.000.000	-
Hỗ trợ vốn hợp tác đầu tư	60.000.000.000	-
Lãi tiền nhận hỗ trợ vốn nhập gốc	-	1.221.917.808
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu		
Tiền đi vay nhận được trong năm	-	22.000.000.000
Chuyển trả lại tiền vay trong năm	8.000.000.000	19.000.000.000
Lãi vay đã thanh toán trong năm	1.446.697.222	225.134.723
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy		
Tiền đi vay nhận được trong năm	9.500.000.000	9.500.000.000
Chuyển trả lại tiền vay trong năm	9.500.000.000	9.500.000.000
Lãi vay đã trả trong năm	144.842.466	194.684.932

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. DANH SÁCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp theo)

	2020 VND	2019 VND
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương Mỹ Thuận		
Tiền đi vay nhận được trong năm	-	25.000.000.000
Chuyển trả lại tiền vay trong năm	-	25.484.965.262
Lãi đi vay nhập vào nợ gốc vay	-	2.650.384.766
Lãi vay đã thanh toán trong năm	-	568.925.496
Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm		
	2020 VND	2019 VND
Ông Phùng Văn Hiền	851.612.447	560.209.095
Ông Phạm Tiến Đức	543.682.000	402.832.000
Trần Đình Tuấn	387.285.470	359.328.701
Cộng	1.782.579.917	1.322.369.796

2. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 3 bộ phận như sau: hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng; hoạt động thi công lắp đặt; duy tu công trình; cung cấp dịch vụ. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng: khai thác khoáng sản (đất, đá) và bán vật tư xây dựng.
- Hoạt động xây lắp: thi công công trình xây dựng, cầu đường, hạ tầng;
- Hoạt động cung cấp dịch vụ: cho thuê mặt bằng, kho bãi và cho thuê tài sản, thiết bị.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. BÁO CÁO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

	Sản xuất, kinh doanh bán hàng	Thi công, lắp đặt, duy tu công trình	Cho thuê tài sản và dịch vụ khác	Hoạt động khác	Loại trừ giao dịch nội bộ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần						
Doanh thu phát sinh ra bên ngoài	51.956.023.908	769.542.301.248	6.022.935.545	5.909.091	-	827.527.169.792
Doanh thu phát sinh giữa các bộ phận	1.835.000	25.095.021.470	1.400.000.001	-	(26.496.856.471)	-
Cộng	51.957.858.908	794.637.322.718	7.422.935.546	5.909.091	(26.496.856.471)	827.527.169.792
Giá vốn						
Giá vốn phát sinh ra bên ngoài	49.120.603.145	749.596.016.534	2.516.085.867	-	-	801.232.705.546
Giá vốn phát sinh giữa các bộ phận	615.170.249	25.249.891.226	783.593.355	-	(26.648.654.830)	-
Cộng	49.735.773.394	774.845.907.760	3.299.679.222	-	(26.648.654.830)	801.232.705.546
Lợi nhuận gộp bộ phận	2.222.085.514	19.791.414.958	4.123.256.324	5.909.091	151.798.359	26.294.464.246
Doanh thu hoạt động tài chính						98.927.042.806
Chi phí tài chính						74.775.105.182
Chi phí bán hàng						695.754.155
Chi phí quản lý doanh nghiệp						28.337.030.311
Thu nhập khác						2.211.814.334
Chi phí khác						7.730.559.712
Chi phí thuế TNDN hiện hành						(10.448.888.493)
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại						(1.747.948.064)
Tổng lợi nhuận sau thuế						28.091.708.583

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**2. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Sản xuất, kinh doanh bán hàng VND	Thi công, lắp đặt, duy tu công trình VND	Cho thuê tài sản và dịch vụ khác VND	Hoạt động khác VND	Loại trừ giao dịch nội bộ VND	Tổng cộng VND
Doanh thu thuần						
Doanh thu phát sinh ra bên ngoài	148.807.330.740	529.851.217.803	4.610.076.019	1.274.157.873	-	684.542.782.435
Doanh thu phát sinh giữa các bộ phận	12.311.164.606	38.048.952.480	2.765.100.000	-	(53.125.217.086)	-
Cộng	161.118.495.346	567.900.170.283	7.375.176.019	1.274.157.873	(53.125.217.086)	684.542.782.435
Giá vốn						
Giá vốn phát sinh ra bên ngoài	147.176.272.799	490.851.963.153	2.254.799.167	69.123.976	-	640.352.159.095
Giá vốn phát sinh giữa các bộ phận	13.278.270.765	38.094.092.656	1.689.973.826	-	(53.062.337.247)	-
Cộng	160.454.543.564	528.946.055.809	3.944.772.993	69.123.976	(53.062.337.247)	640.352.159.095
Lợi nhuận gộp bộ phận	663.951.782	38.954.114.474	3.430.403.026	1.205.033.897	(62.879.839)	44.190.623.340
Doanh thu hoạt động tài chính						57.241.718.050
Chi phí tài chính						96.760.030.318
Chi phí bán hàng						3.456.713.804
Chi phí quản lý doanh nghiệp						52.268.229.540
Thu nhập khác						129.216.571
Chi phí khác						7.746.045.481
Chi phí thuế TNDN hiện hành						3.103.280.455
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại						1.985.350.547
Tổng lợi nhuận sau thuế						(63.758.092.184)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)**1. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

	2020 VND	2019 VND
Số tiền vay thực nhận trong năm		
Tiền vay ngân hàng, tổ chức và cá nhân khác theo khế ước thông thường	642.360.059.520	640.764.102.758
Tiền vay các bên liên quan của Công ty trong tập đoàn	264.841.993.794	72.872.302.574
Cộng	907.202.053.314	713.636.405.332
Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Trả nợ gốc vay ngân hàng, tổ chức và cá nhân khác theo khế ước thông thường	847.103.852.034	565.200.177.525
Trả nợ gốc vay các bên liên quan của Công ty trong tập đoàn	272.841.993.794	218.687.292.970
Cộng	1.119.945.845.828	783.887.470.495

3. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KÊ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần được điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán.



Nguyễn Thị Bích Thảo
Người lập biểu



Bùi Xuân Phước
Kế toán trưởng



Phùng Văn Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 3 năm 2021